

TỬ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

Sa-môn Thích Đạo Tuyên

ở chùa Sùng Nghĩa đất Kinh Triệu soạn.

QUYỂN HẠ (PHẦN 1)

CHƯƠNG 17: SỰ CHUNG VÀ RIÊNG CỦA HAI Y

Hình tướng trên đời này phải nhớ oai nghi, để che đậy những thứ dơ bẩn xấu xa không gì hơn y phục. Nếu thọ dùng có phép tắc thì không sinh lỗi lầm, nhất định được nhận lãnh. Còn nếu trái với cách thức thì tự rơi vào tội lỗi. Cho nên trước nói về phép chế, cho phép sau theo môn mà giải thích. Chế là thế nào? Nghĩa là một trăm lẻ một y áo, tài vật, tùy theo quả báo khai cho, nghịch thuận không có lỗi, cung cứu giúp người thiếu thốn.

Loại thứ nhất chia làm ba: đó là ba y, tọa cụ, đũa lược nước.

Trong phần sau chia làm bốn: đó là một trăm lẻ một vật, y chưa dư, y phần tảo, y người thế tục cùng đường, y người chết, y của năm chúng tốt xấu, v.v...

Ở đây giải thích sơ chế: trước nói về ba y, chia làm hai phần:

- *Nói về pháp của y sau đó nhiếp pháp y.*

Trong phần này chia làm bốn phần:

1. Y chế giải thích trên, công dụng.
2. Cách thức may y.
3. Thêm pháp thọ trì.
4. Đưa ra nhiều chọn lựa.

Nói về ý chế: Luận Tát-Bà-Đa chép: vì muốn xuất hiện pháp vị tăng hữu, nên tất cả chín mươi sáu phái ngoại đạo không có ba tên này, để khác với ngoại đạo, Luận Phân Biệt Công Đức nói, vì ba thời nên chế ba y. Mùa đông thì mặc y dày, mùa hạ thì mặc y mỏng, mùa xuân mặc y vừa. Vì các loại côn trùng, nên luận Đại Trí Độ chép: đệ tử

Phật ở Trung đạo nên mặc ba y. Ngoại đạo lõa hình không biết hổ thẹn, người tại gia tham nhiều về ăn mặc. Luật Thập Tụng, vì để khác với ngoại đạo, nên dùng dao cắt rọc để may y, đó mới biết là y của người hổ thẹn, Tạp A-hàm chép: người tu bốn tâm vô lượng đều cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y xuất gia tu hành. Theo đây mà gọi thì từ bi là pháp phục. Kinh Hoa Nghiêm chép: người mặc ca-sa xa lìa ba độc... Luật Tứ Phần chép: Nếu người con nhiều kiết sử không xứng đáng mặc cà-sa. Luận Tát-bà-đa, chế ba y có năm ý.

- Một y không thể chống được lạnh, ba y ngăn được lạnh.

- Không thể có hổ thẹn.

- Không thể vào xóm làng.

Cho đến đi đường không sinh điều tốt đẹp.

Vì oai nghi không thanh tịnh.

Cho nên chế cho chứa ba y, đầy đủ như nghĩa trên.

Luật Tăng-kỳ chép: ba y là ngọn cờ tiêu biểu cho hiền thánh, Sa-môn. Bất là vật dùng của người xuất gia, chẳng phải việc làm của người thế tục. Nên chấp trì ba y bình bát tức là ít muốn, ít việc, v.v... Các tông và bộ khác phần nhiều nói vì thời tiết lạnh nên chế ba y. Luật Tứ Phần chép: các Đức Phật ba đời đều mặc y như thế.

Kế là giải thích tên gọi: kinh Tăng Nhất A-hàm chép: y Như lai mặc gọi là ca-sa, thức ăn gọi là pháp thực (y ca-sa này theo mẫu sắc mà gọi tên. Văn sau đây nói về nhuộm mẫu ca-sa, vị có vị ca-sa, nếu y cứ theo sự phiên dịch của Trung quốc, thì gọi chung là ngoại cụ, tức là ngoại cụ trong ba mươi vật, ba y gọi chung, như trong văn. Luật Tứ Phần chép: cho phép dùng dao cắt may thành. Y Sa-môn không bị kẻ thù cướp lấy. Nên mặc an-đà-hội trong thân, mặc uất-đa-la-tăng, tăng-già-lê vào xóm làng. Nhưng ba tên này các bộ không có phiên âm chính thức. Nay lấy nghĩa để dịch. Kinh Tuệ Thượng Bồ-tát nói năm điều là y mặc trong, bảy điều gọi là thượng y, đại y gọi là y khi chúng nhóm họp. Nghĩa dịch nhiều loại, đại y gọi là y tạp toái, vì số điều nhiều. Nếu theo cách dùng gọi là y vào cung vua, xóm làng. Bảy điều gọi là y giá trị trung bình, theo cách dùng gọi là y nhập chúng. Năm điều gọi là y hạ, theo cách dùng gọi là y đi lại trong chùa, làm nhiều việc. Nếu theo số điều thì gọi là y mười chín điều, mười bảy điều, cho đến chín điều, năm điều... Trong luật không gọi y năm điều, bảy điều, chín điều, nếu theo tướng chung cũng có Tăng-già-lê bằng lụa thì tùy theo sức mình có mà làm. Theo cách dùng chia làm ba, phần lớn đều theo tông thế.

Nói về công dụng: kinh Đại Bi chép: chỉ khiến cho tánh là Sa-môn

làm nhiệm ô hạnh sa-môn. Thân là Sa-môn mặc ca-sa, từ ở chỗ Phật Di-lặc cho đến chỗ Phật Lô-chí, được nhập Niết-bàn vô dư. Kinh Bi Hoa chép: Như lai ở chỗ Phật Bảo Tạng phát nguyện, lúc tội thành Phật ca-sa của tăng có năm công đức:

(1) Vào trong pháp của ta, nếu bốn chúng phạm tội trong, tà kiến, v. v... Ở trong một niệm tâm cung kính tôn trọng, chắc chắn được thọ ký ở trong ba thừa.

(2) Trời, rồng, người, quỷ thần nếu cung kính người mặc ca-sa này một chút, liền được bất thối trong ba thừa.

(3) Nếu có quỷ thần và mọi người được ca-sa cho đến bốn tấc thì ăn uống no đủ.

(4) Nếu chung sinh chống trái nhau, nghĩ đến thân lực của ca-sa, thì liền sinh lòng từ.

(5) Nếu ở trong binh trận được một chút phần ca-sa này, cung kính tôn trọng, thường được thắng người khác.

Nếu ca sa của ta không có năm công đức này thì sẽ khinh thường Chư Phật trong mười phương. Luật Tăng-kỳ chép: Tăng, ni có giới đức, người thế tục tìm mảnh ca sa bị rách của họ để trừ tai ương, nên cho họ một ít.

Về pháp may y: có tám môn khác nhau.

1. Cầu tài vật đúng như pháp: nghĩa là chẳng phải do bốn tà, năm tà, khởi tâm vì lợi, mua bán mà được thì không thành, luật chép: không vì tà mạng mà được, khuyên khích được, tướng đắc pháp y xả đọa, không được may, v.v...

2. Tính chất cầu tài vật đúng như phép: cần phải dày, nặng, bền chắc. Nếu chất nhẹ mỏng như gấm vóc, lụa là, v.v... đều là vật phi pháp. Luật chép: y có thêm văn vẽ không được thọ từ. Luật Tăng-kỳ, tất cả y bằng lụa là, lông tóc, vỏ cây, cỏ, da đều không được thọ trì, Ngũ Bách Vấn chép: lụa sống không được may y, chắc chắn không vì thân mình thì được, vì làm thành đúng như pháp. Luật Tăng-kỳ, rồng mặc ca-sa được thoát nạn chim cánh vàng ăn thịt. Nếu không thuận với giáo pháp thì ca-sa không có sức trùng khớp.

3. Sắc đúng như pháp: luật Tứ Phần chép: các y nhuộm màu như trên không được chứa, nên làm hoại thành màu ca sa (ở đây nói: nhuộm không phải bằng sắc chính, có phiên âm đúng). Nếu làm y ngũ nạp, được sắc hoại như trên thì cắt may ngũ nạp cũng được. Kinh Niết-bàn chép: cho phép thọ y phục bằng da, vỏ cây, v.v... Tuy cho chứa các thứ y nhưng phải là y hoại sắc. Luật thập tụng chép: tất cả y một màu như

xanh, vàng, đỏ, trắng, đen không được mặc, trừ nạp y, giới bốn nói ba màu chính không thành thọ. May ba y rồi được may y dư, mặc nó phải điểm tịnh ba chấm, dùng màu đỏ tím, tất cả y nhuộm màu xanh đen, mộc lam thì được thọ. Nếu hoàn toàn màu xanh, xanh nhạt, xanh biếc... Phải điểm tịnh, được dùng làm y, nếu y không hoàn toàn màu trắng, đỏ, vàng mà nhiều màu thì cũng được thọ. Nếu dùng màu không đúng như pháp nhuộm, rồi lại dùng màu đúng như pháp nhuộm thì được thọ trì. Ca-sa: đời Tần dịch là nhuộm, như kiết ái, v.v... cũng gọi là nhuộm, chân tử sắc, tô phương địa, hoàng nại, hoàng hoa, hoàng sắc đều là phi pháp.

Luật Tăng-kỳ chép: uất-kim đỏ tươi nhuộm hồng, lam nhuộm đen, xanh nhuộm vàng đều không cho dùng. Cho phép dùng củ, lá, hoa, vỏ cây, dưới cho đến nước cự ma... Giới bốn chỉ nói màu xanh đen, mộc lan, văn sau nói rõ thêm pháp nhuộm. Xanh nghĩa là xanh đồng, đen nghĩa là bùn dơ, v.v... Mộc lan nghĩa là nước của các loại quả v.v... (người dịch luật này, phương Bắc là pháp nhuộm mộc lan, luật Tăng-kỳ dịch tại đất Ngô nên không thấy) tôi ở đất Thục đích thân thấy vỏ cây mộc lan màu đỏ đen sáng đẹp, có thể làm chất để nhuộm, nó cũng có ít mùi thơm nên người tăng dùng làm hương như luật Thiện Kiến đã nói. Trong kinh luật để lại có năm sắc màu, ở đây chẳng chép đúng. Người không biết nên dùng nó, luật Tứ Phần chép: hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan, trong mỗi sắc tùy ý mà hoại. Luật Thiện Kiến chép: Thiện lai Tỳ-kheo bình bát mang bên vai trái, ca-sa màu xanh sắc đỏ tươi đẹp. (theo màu sắc của mộc lan này). Nếu thấy Tỳ-kheo mặc y năm màu chính, người cổ trí tuệ nên nói: đây là Tỳ-kheo làm giặc bị mất y (theo đây màu đỏ không dùng chung). Theo luật, luận và kinh đều nói không được dùng y một màu, phải làm cho hoại màu chính. Không hoại thì không thành thọ trì. Mỗi lần mặc mỗi lần phạm tội, như trong tùy tướng tư lương đúng sai. Luật Tứ Phần chép: An-đà hội dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay. Uất-Đa-La-Tăng dài ba khuỷu tay rộng ba khuỷu tay. Tăng-già lê cũng vậy, nhưng ở đây y hạ thành quá nhỏ hẹp nên dung văn chung. Luật nói ăn biết vừa đủ, mặc vừa kín thân, chỉ cần đủ mà thôi. Theo đây không định lượng, tùy thời mà thêm bớt. Tuy như vậy cũng nên y theo phép tắc này. Cho nên trong Thập tụng, Tăng-kỳ, mỗi bộ lập ba phẩm. Nay theo luận Tát-bà-đa, trong ba y, y vừa dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, y nhỏ nhất dài bốn khuỷu tay rộng hai khuỷu tay rưỡi, đều như pháp. Y hoặc hơn, hoặc kém cũng thành thọ trì, vì có thể cắt may tiếp theo. Nếu cắt hơn kém thì không thành thọ

trì. Vì không thể cắt làm thêm được. Nếu y quá lượng nên thuyết tịnh, không thuyết tịnh phạm xả đọa. (thuyết tịnh trước, thọ sau, ngoài pháp y được chứa) luật Ngũ Phần, số lượng khuỷu tay dài ngắn không nhất định. Phật cho tùy theo thân thể mà phân lượng không bắt buộc phải theo khuỷu tay, số nhiều ít của y năm điều chỉ có số lẻ như trong số sao. Luật Tứ Phần chép: từ chín điều cho đến mười chín điều, năm điều mười bức... Luật Thập Tụng chép: hoặc năm điều, bảy điều, chín điều, mười một điều, hoặc mười lăm điều, hoặc hơn nên cắt thành miếng để may. Luận Tát-bà-đa chép: y Tăng-già-lê ba phẩm: chín điều, mười một điều, mười ba điều gọi là phẩm trung; mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều gọi là phẩm trung; hai mươi một điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều là phẩm thượng. Luật Tứ Phần, cho phép đến mười chín điều, nếu quá không được chứa. Thời nay có y ba mươi ba điều, v.v... Không có sự chế khai của chánh giáo, Thành tích ghi rằng: Như lai mặc đại y mười ba điều. Luân Đại Trí Độ chép: đó là y Tăng-già-lê bằng vải thô, theo đây lấy đó làm tiêu chuẩn, tùy theo sức mình mà may số dài ngắn của sáu bờ đê. Văn luật Tứ Phần không rõ, y năm điều bảy điều minh định đây đủ lượng dài ngắn, đại y cũng y theo đây. Luận Tát-bà-đa chép: đại y hai dài một ngắn, trung y ba dài một ngắn, thượng y bốn dài một ngắn, gọi là may đúng như pháp. Nếu thêm bớt lẫn nhau thành thọ thì mặc dùng phạm tội, cho nên phải cắt rọc ra. Luật tứ phần chép; y này không bị oán tặc cướp lấy. Luật Thập Tụng nói, y này khác với y ngoại đạo. Trong luật nói y Sa-môn gồm ba thứ thấp hèn: một là dao thấp hèn (để cắt hoại); hai là mâu thấp hèn (không phải mâu chính); ba là thể thấp hèn (đó là y phần tảo, y người đời bỏ đi) y Sa-môn bảy lớp tùy theo số nhiều ít, luật Tứ Phần giống với luật chép: không được mặc y quá mỏng, đại y hai lớp, hai y còn lại một lớp, đây y bốn lớp, y bảy điều, năm điều, v.v... hai lớp. Luận Tát-bà-đa chép: nếu đại y mới thì ba lớp, gồm một lớp mới hai lớp cũ, ngoài ra như luật Thập Tụng. Cho nên luật kia chép: may đại y phần tảo tùy ý được may nhiều. Luận Tát-bà-đa chép: may lại ba y nếu có nhân duyên, lấy phần mình mang đến chỗ khác, gọi là ngủ không lìa y. Nếu người chết trước nói cho người trong nội giới này, sau nói nên cho người nuôi bệnh vì vốn là một y cùng thọ trì. Luật sư nói: lời nói sau là đúng.

Về cách may y: theo luật Tứ Phần thì đại y, y bảy điều phải cắt rọc, y năm điều được xen. Luật Tăng-kỳ, nếu may y người khác giúp đỡ sợ một ngày không thành, nên may gấp cho xong để thọ trì, sau đó may lại tỉ mỉ hơn. Trong A-hàm chép: Đức Phật tự tay may ba y cho ngài

A-na-luật Tứ Phần nói, Tỳ-kheo-ni may y tăng-già-lê năm ngày không xong thì phạm tội đọa, Tỳ-kheo phạm cát-la, Tát-bà-đa nói có nhân duyên được một tấm vải chỉ may ba y thì không phạm chứa dư. Nếu thiếu một y tấm vải chỉ may ba y thì không phạm chứa dư. Nếu thiếu một y ngoài năm khuỷu tay, hoặc thiếu hai y ngoài mười khuỷu tay, có chứa thì nên thuyết tịnh, luật Tứ Phần nói được may y dài rộng đầy đủ, nếu lọc cắt để may y bị thiếu thì cho, điệp thêm vào để may. Cùng được y cắt rọc thành y ngũ nạp. Luật Ngũ Phần nói, nếu nhuộm man y thành năm điều, lại may y từng miếng (thời nay may thêm nhiều mảnh). Hoặc thêm từng miếng để may y (Tứ Phần khai cho hạ y được đắp thêm. Nếu dùng nửa miếng trên nửa miếng dưới để may y, tất cả phạm đột-cát-la. Nếu dùng chỉ nhiều màu may y, may đều bằng vải của xứ khác. Đây là pháp ngoại đạo, phạm thâm-lan-giá. Ngài A-nan vâng lời Phật dạy, nói cách may cho các Tỳ-kheo. May đều trái hướng về hai trái, đều phải theo bên phải, đều giữa hướng về hai phía. Nếu được vải không đủ, cho đến may một dài một ngắn. Nếu còn thiếu cho phép thêm các miếng để may, đến vẫn không đủ thì cho phép may man y An-đà-hội thành y. Vì theo đây vốn là ky thiếu, nên sau đưa ra để may thành y. Pháp thọ chính thức theo hai phẩm, lẽ ra phải dùng theo loại. Luật Tăng-kỳ nói, không được vẽ thành miếng, may giáp đầu nút. Nên cắt rọc thành mảnh, rộng nhất bốn ngón tay, hẹp nhất như hạt lúa mạch. Không được dùng mảnh ngang bằng nhau... Nên may y như răng ngựa, phía dưới y bị hư nên viền xung quanh và phải may lại. Lúc gấp phân biệt như trước tác tịnh, đơm nút rồi thọ trì. Luật Thập Tụng nói Phật dạy Tỳ-kheo thực hành pháp làm móc, trước cách viền bốn ngón tay, sau cách viền tám ngón tay, nên làm như vậy. Y cứ theo đây lấy trên vai trái làm thường lấy góc vải của y làm phúc, xuất xứ từ trong luật Tỳ-nại-da. Luật Thập Tụng lại chép: may lại điều Phật cho phép, chứa dùng đúng như pháp. Không được may thẳng vì đó là y của thế gian. Vì muốn khác với y thế tục, lại ngăn ngừa ngoại đạo nên phải may lại. Nếu may thẳng, y quá chủ mạng nên trích vật này cho tăng và cho người nuôi bệnh. Luật Tứ Phần chép: ba y phải may chồng thêm bốn góc, luật Thập Tụng cũng nói như vậy. Luật Tứ Phần nói, kéo góc làm móc cho ngay ngắn rồi may chồng lên. Lại nói: nên làm móc trên vai, may chồng lên ngăn chỗ dơ uest. Luật Thập Tụng, Tỳ-kheo mặc y phần tảo, vì Phật chế Tỳ-kheo không được mặc y cắt rọc vào xóm làng, các Tỳ-kheo liền may chồng thêm, làm móc may viền xung quanh. Phật dạy: phải cắt rọc, trên đặt móc thành rồi thọ trì. Luật Thập Tụng, vẫn nói khai cho, mặc, vào xóm làng.

Về pháp thọ y, trong đó chia làm hai phần: đối thú và tâm niệm. Trong phần đầu, luật Tứ Phần chỉ nói ba y phải thọ trì. Nếu nghi thì xả rồi thọ lại. Có mà không thọ phạm Đột-cát-la, nhưng không có văn nói. Xưa, có người theo pháp của luật Tăng-kỳ, người đó giữ gìn y khác với luật Tứ Phần (Tăng-kỳ nói chung là qua qua đêm, Tứ Phần chỉ đối với mình tướng). Nay theo Thập Tụng (vì thọ từ giống nhau), nếu trong đại y chánh có mười tám phẩm, từng có sáu phẩm. Y bảy điều chánh có hai phẩm, từng có mười hai phẩm. Y năm điều chánh có ba phẩm, từng có hai mươi một phẩm, nói chung ba y có bảy mươi hai loại. Man y chung ba chỗ hợp thành một. Còn lại như trong số sao. Nay trước nói pháp thọ, nên thọ an-đà-hội trước. Y này chánh có ba phẩm, nghĩa là cắt rọc xen thêm mảnh, chồng thêm mảnh. Gia pháp nói: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Xin thọ y An-đà-hội năm điều này một dài một ngắn cắt rọc may thành y thọ trì, cũng nói trì y may xen mảnh (nên may chồng thêm làm cho tướng bên ngoài giống như cắt rọc, may một bên khai một bên nói) trì y may chồng thêm, ngoài ra giống với Thập Tụng (nếu hai bên đều may thì chỉ giống man y) nếu nói về từng thì dùng đại y mười tám phẩm, y bảy điều hai phẩm...)

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... xin thọ y An-đà-hội hai mươi lăm điều, bốn bức dài, một bức ngắn cắt rọc may thành y (may chồng thêm y theo giống như vậy cho đến bảy điều hai phẩm...)

Nếu mạn y (trên nói từng là nói theo An-đà-hội, nếu Uất-đa-la-tăng, Tăng-già-lê đều y theo đây mà cải cách. Man y đổi gọi là biệt (riêng), nay y cứ theo đại y). Luật Thập Tụng chép: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo xin thọ trì man y Tăng-già-lê này (hai y còn lại khác đây mà thay đổi). Nếu y từng thì nói: Bạch đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... xin thọ trì. (may chồng thêm mảnh theo đây mà thay đổi, nếu y trung phụ từng, thì theo pháp trước mà thay đổi). Nếu y thượng thì nói: xin thọ Tăng-già-lê bao nhiêu điều này, dài bao nhiêu, ngắn bao nhiêu cắt rọc may thành y thọ trì (may chồng thêm theo đây, vì thông chín phẩm điều, bờ đê khác nhau. Tùy theo y mà thay đổi nên không nhất định, không giống hai y trung-hạ thiếu tướng để nói hơn.) Phần trên nói về thọ ba y đã xong. Luật chế đều nên nói ba lần. Luật kia nói: trước lúc thọ giới nên dạy thưa rằng: tôi là Tỳ-kheo... y tăng-già-lê bao nhiêu điều này xin thọ, hoặc cắt rọc, hoặc chưa cắt rọc, là y thọ trì (nói ba lần) cho đến An-đà-hội cũng vậy. (Ở đây y chưa cắt rọc là man y. Nếu hoàn toàn chưa cắt rọc, lẽ nào tương lai được vào

thọ giới). Luật Tát-bà-đa chép: năm mẫu chính không được thọ. Vì thế tăng thích mặc ca-sa mẫu trắng... là phi pháp. Trình bày như thế nhưng phần nhiều có năm mẫu: đen, xanh, đỏ, vàng; phần nhiều không có mẫu trắng, nói đúng như trên thì không thành. Ngày nay vì kẻ phàm tình thọ trì một cách khó nhọc, cho nên một đời không có áo che thân, khi chết lại trách bậc thánh, vì sao không lo rơi vào đường ác, thật đáng thương thay!

Kế là nói về pháp xả: (y cứ theo luật Tăng-kỳ, luật Tứ Phần không có văn này).

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Tăng-già-lê này là tính vào ba y của tôi, trước thọ trì nay xả, hai y còn lại cũng giống như vậy, cùng lúc thọ cùng lúc xả phạm tội việt tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni thọ hai y khác, luật Thập Tụng chép:

- Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo-ni... Xin thọ y Quyết-tu-la này (nói ba lần) (so sánh với nước Kỳ-chi thì khác nhau) y này là y che vai dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi, xin thọ trì y che vai này (nói ba lần) (nay thì thay đổi tướng y dài không giống bốn pháp, chỉ nói làm đúng như pháp, không nói lượng khuỷu tay may thành). Luật Tăng-kỳ chép: nên may y che vai, gọi là y Phú kiên. Lo may phạm tội Việt-tỳ-ni, y Tăng-kỳ-chi phạm Ba-dật-đề. Tăng-kỳ-chi của Tỳ-kheo-ni dài bốn gang tay, rộng hai gang tay Phật. Nếu hơn thua qua lại cũng phạm Ba-dật-đề. Năm y của Tỳ-kheo-ni: y che vai, y tấm và ba y (theo bộ này thì khác nhau, luật Tứ Phần cho phép may y che vai và quần nhỏ).

Về pháp tâm niệm,

Theo luật Ngũ Phần, Tỳ-kheo ở riêng trong ba y cần có sự thay đổi, nhưng phải đầy đủ nghi thức. Tỳ-kheo tay cầm y tâm nghĩ miệng nói: “Tôi là Tỳ-kheo v.v... Tăng-già-lê này bao nhiêu điều, nay xin xả (nói ba lần), sau đó thọ y tốt, cũng oai nghi như trước, nói rằng: tôi là Tỳ-kheo... Xin thọ y Tăng-già-lê bao nhiêu điều này, hai y còn lại cũng y cứ theo đây. Tập liệu giản chia làm ba phần.

Luật Thập Tụng chép: xưa, Tỳ-kheo lìa y ngủ chỉ sám hối tội đọa, không được xả y. Luật Ngũ Phần nói, các Tỳ-kheo trước không xả mà thọ trì y, lại thọ y khác thành thọ. Ba y trước thuyết tịnh cũng được, nếu cố ý không xả phạm Đột-cát-la. Luật Thiện Kiến, Tỳ-kheo muốn thay ba y, không có người để thừa thì tay cầm y tự nói tên của các y là thành; nếu không cầm, không nói thì không thành. Các y thọ trì tuy bị rách, lủng lỗ cũng không mất thọ trì. Nếu hai y trên chiều rộng rách

bằng tám ngón tay, chiều dài rách nhỏ như móng tay thì mất y thọ trì. Có áo cũ rách ngang thì không mất y thọ trì. Y An-Đà-Hội chiều rộng rách bằng bốn ngón tay, chiều dài rách bằng một gang tay không mất thọ trì, còn các chỗ khác rách thì mất y thọ trì, khi vá xong thành y thọ trì. Luật Thiện Kiến chép: nếu người từ y bị giặc cướp, hoặc mất, hoặc thoi tu, làm sa-di, hoặc xả, hoặc lìa y mà ngủ đều gọi là mất y thọ trì, (bị rách thì mất y thọ trì như trên). Trong luật Tứ Phần, hoặc mất, hoặc tưởng đường bị đoạn, hoặc nạn duyên, v.v. . Điều mất y thọ trì, gồm có bốn cương giới ngại, nhiễm, chác, tình; mất, không mất, phạm không phạm, đều như tùy tướng và số sao! Luận Tát-bà-đa nói, ba y tuy không thọ trì qua ngày không phạm tội lìa y. Nhưng có hai tội hoại oai nghi và thiếu y (khác với luật Thiện Kiến). Nếu đã thuyết tịnh, nay may ba y tức mất thuyết tịnh. Lại nữa, xả y này rồi lại thọ y khác, y trước thuyết tịnh không phạm chứa dư.

Nói về may vá và nhuộm y: luật Thập Tụng chép: lấy vật nhỏ gắn để vào y, nếu có châm lại thì không cần thuyết tịnh, điểm tịnh. Nếu may thẳng, từng đoạn phải nói. Không nói mỗi đoạn phạm hai tội. Tỳ-ni Mẫu chép: nếu y dư chưa đủ mười ngày, chưa tác pháp tình thí. Khâu rồi tác tịnh, đang may các mảnh khâu rồi được chứa. Nếu khâu chưa tát tịnh, may rồi tác tịnh. Đây là y hòa hợp tịnh, chung hai pháp tác tịnh (trong văn may y theo trước lúc khâu). Luật Thiện Kiến nói, nếu y gần hư hoại nhưng chưa rách, hoặc một điều, hai điều; trước lấy vải vá vào, sau cắt lại như cũ thì không mất y thọ trì. Chỗ sau lưng của ca sa gần rách, nên đổi qua hai bên, trước khâu chung với nhau rồi may, sau đó lấy ra. Rồi khâu viên lại, không mất y thọ trì (luận Tát-Bà Đa nói, viên bị đứt liền mất y thọ trì). Ca-sa nếu quá giảm hoặc nhỏ lấy vải thêm vào đều không mất y thọ trì. Nếu nhuộm tăng thêm màu sắc. Hoặc màu sắc mất đi đều không mất y thọ trì. Luật Ngũ Phần nói, nếu y bị rách cho phép may và sửa lại, dùng chỉ đột để khâu, cũng được may thẳng (luật Thập Tụng không cho may, việc cần thiết chỉ khâu một mũi) trong luật Tứ Phần ba y hư hoại cho phép may vá, may lại viên bên, tùy theo lỗ lớn, nhỏ, vuông, tròn mà vá. Không được lỗ lớn dùng vải nhỏ vá, làm cho nhỏ lại. Phải lỗ nhỏ rộng bằng hai ngón tay thì vá miếng vải lớn, nên cuộn lại hoặc trương ra để sửa lại. Luật cho phép y hư nên mau vá lại, giống với Luật Thiện Kiến. Luận Tát-bà-đa nói bất luận lỗ lớn hoặc nhỏ, nếu viên không đứt thì không mất y thọ trì. Ở đây nói chung cả hai loại (lỗ nhỏ, lỗ lớn đều dùng không tổn hại). Luật Tứ Phần nói: may y sợ cong lấy đất sét đỏ vạch lên vải để may Luật Thập Tụng

chép: y phúc thường phải sạch sẽ đúng như pháp, nếu không người sẽ bị và phi nhân chê trách.

Cần nhắc về việc thọ dụng: luật Thập Tụng nói, Tỳ-kheo giữ gìn ba y như giữ da thịt mình, bình bát như trong mắt. Mặc đại y không được khiêng đá, cây, đất, cỏ. Phải quét đất sạch sẽ rồi trải ngọa cụ, toạ cụ, v.v... Không được bước chân lên toạ cụ, không được chỉ mặc áo lót. Nếu Tỳ-kheo vào xóm không được kéo y lê thê. Tỳ-kheo đi phương xa phải vắt y trên vai, gần xóm có ao nước, vũng nước nên lấy nước rửa tay chân, nếu không có thì lấy cỏ cây phủ bụi, sau đó mặc y rồi vào xóm. Nếu gặp xe, ngựa chạy qua, nên đứng trên gió để tránh bụi. Nếu gặp đường có bùn, gai góc ngăn chặn, không được khoét vào lau chùi. Vào cửa nhỏ Tỳ-kheo phải nghiêng mình, đi xuống chỗ thấp phải cong mình lại. Vì cách sám hối tội nặng, trong kinh Trị Thiên Bệnh nói: Tỳ-kheo phạm tội, cởi Tăng-già-lê mặc an-đà hội, làm việc nặng nhọc phục vụ chư tăng, cho đến quét dọn chùa tháp, làm vệ sinh. Trải qua tám trăm ngày mới thôi. Rồi Tỳ-kheo mặc tình đến tháp chùa lạy Phật, v.v... Chẳng có gì luyến tiếc, giống như chim bay không để lại dấu vết, nếu không mặc ba y mà vào làng xóm, chỗ của người thế tục thì phạm tội. Luật Tăng-kỳ cũng chép: Tỳ-kheo phải thường mang theo ba y, bình bát bên mình. Trái lại, ra khỏi giới kết tội, trừ bệnh. Tỳ-kheo phải cung kính ba y như chùa tháp. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo phải giữ gìn ba y như da mỏng trên thân mình, thường mang theo mình như hai cánh của con chim, đi đâu cũng ở bên mình; Luật Tứ Phần nói, Tỳ-kheo đi đâu phải biết thời, không biết thời không đi, đi đến chỗ nào y bát phải mang theo bên mình. Giống như chim bay cánh luôn bên mình. Các bộ đều chế y bát phải theo thân. Ngày nay chỉ giữ tội lìa y ngủ, không đúng với giáo pháp. Luận Minh Liễu nói, Tỳ-kheo thọ y công đức mặc một y cởi một y, vào xóm làng được giữ một y. Trong phần về pháp y của luật Tứ Phần có năm duyên giữ lại Tăng-già-lê.

1. Giữ Tăng-già-lê, nếu có sợ hãi và nghi có sợ hãi.
2. Nếu mưa hoặc nghi sẽ mưa.
3. Tăng-già-lê đang may.
4. Tăng-già-lê đang giặt nhuộm.
5. Nếu y Tăng-già-lê cất quá kỹ thì cho cất mà vào xóm, nói chung Tỳ-kheo vào xóm thì phải mặc y cất rọc.

Luật Thập Tụng nói, nếu y bá nạp bị hư rách, thì Tỳ-kheo nên mặc y cất rọc vào xóm, luật Tăng-kỳ cho phép Tỳ-kheo mượn đại y đến nhà thế tục. Bộ Ngũ Bách Vấn chép: không được mặc đại y vào xóm,

chỉ khoác trên vai mà đi cũng không phạm. Luật Tăng-kỳ nói, nêu mặc và cởi ba y, thì phải nắm giữ y để gần thân mình, sau đó mới cởi hoặc mặc. Tỳ-kheo không được cởi y ở trong vườn, mặc một nội y vào xóm, từ xóm đi ra rồi nên lấy y trong vườn gần chỗ mình, giặt cho sạch rồi vào xóm, mặc y thường dung xong, rồi mặc y trong vườn. (đây là nói về y Tăng-già-lê).

Pháp mặc nội y: Tỳ-kheo không được cởi y trong vườn, mặc y vào xóm, rồi mới tìm y trong vườn, cởi y trong vườn, mặc y vào xóm cũng vậy. Tỳ-kheo cũng không được mặc nội y vào xóm, sau đó khoác nội y ra khỏi xóm. Tỳ-kheo nên mặc một bên, ra một bên. Không mặc nội y thì không được phanh ra. Vì gió thổi y rơi xuống, Đức Phật chế Tỳ-kheo mặc y vào xóm cần phải móc và cột ngang eo mới đi, nêu không khâu vá, không có đồ ghim, dưới cho đến tay phải cầm y, nếu Tỳ-kheo mặc y không có móc thì hễ vào nhà thế tục liền phạm Việt-tỳ-ni, phải sám hối tâm mình. Nếu có mà Tỳ-kheo không mặc, vào nhà thế tục phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc mặc y phải mặc qua vai, móc ở hai góc bằng nhau. Lúc tay trái cầm y, không được trong tay đưa múi gọc ra bằng tai dề. Luật Ngũ Phần cũng cho phép Tỳ-kheo xếp bốn lớp đại y để gói đầu. Văn nhiều chỗ trong Trung A-hàm chép: Tỳ-kheo gói đại y, đắp y bảy điều; trong luận Bà-sa cũng vậy. Kinh Tam oai nghi, Tỳ-kheo không mặc Nê-hoàn-tăng, không được mặc Tăng- Kỳ- Chi; các lớp như thế cho đến mặc Tăng-già-lê sau cùng. (nên biết mặc thứ lớp trên dưới của ba y). Luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo mặc y trái vào xóm, người đời thấy không vui, trách rằng: Tỳ-kheo mặc như vậy, chẳng khác gì y không cắt rọc. Thế tôn biết được quả trách rồi kết tội. Nếu ra vào xóm làng, y và móc bằng cỏ cây sợ hư hoại, hoặc gió mưa bụi bặm làm đổ các mảnh vải, hoặc nắng gắt làm y phai màu, hoặc chim làm dơ cho phép mặc ngược y lại vào xóm để giữ gìn y. Nếu dưới y bị hư hoại cho phép đảo ngược mà mặc. Viên trên dưới, móc và dây lưng, lúc mưa không nên mặc ngược. Luật Tứ Phần, Tỳ-kheo mặc y trái cũng giống như vậy. Kinh Xá-lợi-phát Vấn, ban đầu cho phép để hở một bên, cho rằng chấp sự cung kính, sau cho phép mặc y qua vai vì biết thị tướng ruộng phước. Trong luật, Tỳ-kheo đến trước Phật hoặc bậc Thượng tọa mới để hở một bên. Trong kinh, nếu Tỳ-kheo mặc y trùm hai vai, trong năm trăm đời đọa vào địa ngục mặc áo giáp sắt. Bộ Tam Thiên Oai Nghi, nếu chỗ không có chùa tháp, không có Tỳ-kheo tăng, lại có nhiều trộm cướp, vua không kính mến Phật pháp; cho phép đến nước đó không mặc ba y. Không được mình ngồi chỗ cao, ba y để chỗ thấp, theo quyết định

của hai bộ luật và luận, thì Tỳ-kheo mặc đại y vào xóm, gặp sư tăng, Thượng tọa và các người khác không được lễ bái. (vì cung kính tôn trọng nên trình bày ý này). Bộ Tam Thiên oai nghi chép: Tỳ-kheo mặc ba y không được hưởng về tháp Phật, bậc Thượng tọa và ba thầy (thầy Bổn sư, thầy Yết-ma và thầy giáo thọ, cũng không được xoay lưng lại; không được miệng ngậm thức ăn và hai tay cầm cái gì đó. Luật chép: không được thông ba y ở góc trước. Chú: không được xếp ở trên vai, gọi là vôi voi) trong bộ Ngũ Bách Vấn chép: lúc không có y trung, được mặc đại y lên giảng và lễ bái: Nếu tiểu y sạch sẽ không sát thân thì không có y bảy điều, năm điều cũng được nhập chúng, thọ thực, lễ bái... (theo đây thì đi giữa đường gặp tháp, nếu mặc hạ y không được làm lễ, Tỳ-kheo không mặc ba y thọ thực phạm tội đọa; mượn ba y của người khác mặc không được ra ngoài giới qua đêm, ở trong giới thì không giới hạn số ngày. Luật Thập Tụng cũng chép: Tỳ-kheo không mặc ca sa thọ thực phạm tội; không nói là ba y. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo được y mới, nếu Tỳ-kheo có đức mặc tạm thì Tỳ-kheo kia được phước. Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo xin được miếng vải nhỏ cho người thế tục tiêu trừ tai ương. Tạp A-hàm, Phật bảo lấy uất-đa-la-tăng cho bà-tứ-sát-nữ mặc, kinh Hiền Ngu nói, sư tử cung kính người mặc ca sa nên thành Phật.

Nói về tác pháp giới nhiếp y: Trong đó giới nhiếp y tự nhiên có mười lăm loại khác nhau như trong tùy tướng, ở đây chỉ nói thêm phần Yết-ma, nói chung nghĩa như sau, khác với số. Nay trình bày sơ lược về nó. Tất cả đại giới gồm có ba loại. Nếu giới phần lớn không có chùa chỉ có nhà ở, ở đó nên kết giới. Nghĩa là trong phần ngoài tăng viên được giữ y, trong giới phía bên ngoài không tránh khỏi mất y. hai giới và tăng-già-lê v.v... Và giới nhỏ trong già-lam, hai giới này không cần kết giới. Khi kết giới xong trong phần ngoài viên ngược lại thành mất y. Các nhà lập pháp khác nhau. Có người lập pháp không co thôn kết giới. Nay hiểu rằng, bất luận có thôn hay không có thôn đều nên kết giới. Vì kết giới trừ được các chướng ngại. Nếu có thôn, gần không kết, kết xa, (vì sau đó cách thôn tùy theo khoảng cách mà để y). Nếu không có thôn, kết gần trừ kết xa (sau này có thôn lo được để y, nếu thôn khác xa thì được để y). Vì trước đã thành kết. Chỉnh do nhiễm ngại, tinh ngại, cách ngại, giới ngại nên mất y; không phải do có thôn hay không có thôn, vì thế khiến cho cương giới của y có thêm bớt. Đây là định nghĩa. Nói về văn trong các luật Ngũ Phần v.v... Tùy theo sự tình mà suy xét, trong luật Tát-bà-đa nói, số dĩ trừ thôn vì có năm nghĩa:

1. Thôn xóm không nhất định, cương giới của y thì nhất định.

2. Vì trừ sự phỉ báng, trừ sự tranh cãi, giữ gìn giới có thôn trụ, sau nhân vì co duyên sự mới nói trừ thôn, thêm phép.

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới; nay tăng kiết giới không mất y trừ thôn và ngoài thôn. Trưởng lão nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, kiết giới không mất y trừ thôn và ngoài thôn rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Pháp giải cương giới của y.

Luật chép: nên giải giới y trước, sau giải đại giới. Luật Thập Tụng nói, giải đại giới trước thì y cũng mất.

Văn chép:

- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ cùng một thuyết giới, nếu tăng phải thời mà đến, tăng thuận cho, nay tăng giải giới không mất y, tác bạch như thế.

- Bạch đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (Yết-ma). Tăng đã bằng lòng cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y rồi, tăng đã bằng lòng, việc đó cứ hành trì như thế.

Nói về toạ cụ:

Luật Tứ Phần nói, vì thân, vì y, vì ngọa cụ nên chế ra ngọa cụ, dài hai gang tay Phật, (sất-cách-phản: nghĩa là rộng bằng ngón tay cái và ngón tay giữa, chữ này hợp với pháp. Chữ túc bên chữ cạch cũng là chữ cạch. Si-cách phản: nghĩa là bước một bước là kiệt, hai bước là bộ. Hai nghĩa này khác nhau) rộng một gang rưỡi tay Phật. Dài rộng tăng thêm nửa gang tay. Các bộ nói về gang tay không nhất định. Nay theo Ngũ Phần, một gang tay Phật dài hai thước (thước Trung quốc), theo đời Đường một thước hơn sáu tấc bảy phân. Dùng hai tấc này làm gang tay theo thước Cơ Chu. Vấn đề này chung cả âm dương, các nước thường y cứ theo không thay đổi (tức đời Đường nói là thước, dùng một thước hai tấc làm thước). Nhưng tùy theo phong tục mà kích thước không nhất định. (điều này đúng là đời Đường nước Trung quốc dùng thước năm, sáu loại khác nhau). Luận Minh liễu chép: người thường cao tám thước, Đức Phật cao gấp đôi là một trượng sáu thước (dẫn chứng nhiều để biết thước lớn nhỏ) luật Thập Tụng chép: ngọa cụ mới hai lớp, ngọa cụ cũ bốn lớp. Già luận cũng đồng. Luật Tăng-kỳ chép: không được dùng,

vải dạ cũ làm toạ cụ. Toạ cụ nên làm hai lớp. Nếu khâm-bạt-la thì một lớp, kiếp bối hai lớp. Không được gấp hai đầu, xếp gấp lại, ngâm nước, muốn đến khi khô rồi sẽ dài rộng ra. Nếu như vậy được ngoạ cụ phạm tội đọa, dùng phạm việt-tỳ-ni. Tỳ-nại-da chép: toạ cụ mới, cũ phải viền xung quanh để làm hoại màu sắc của nó. Nếu may toạ cụ nên viền xung quanh. Luật Ngũ Phần nói, nên may chồng thêm bốn góc, không chồng thêm cũng được. Luật Tứ Phần chép: nếu may dưới hạn lượng quy định, may chồng hai lớp cũng được (nghĩa là hai lớp là đúng, sợ quá lượng nên cho chồng lên). Luật Thập Tụng, không được thọ toạ cụ một lớp, lia toạ cũ ngũ phạm Đột-cát-la, bộ Ma-đắc-là-già chép: Tỳ-kheo lia ngoạ cụ mà ngủ không phạm xả đọa, vì không phải do Phật chế: nhưng cũng không nên lia ngoạ cụ mà ngủ. Luật Tăng-kỳ chép: tăng cho hai lớp, ba lớp may chồng lên nhau, bớt hay quá đều phạm Ba-dật-đề. Các luật thêm là do duyên ngoài. Luật Tứ Phần, trong luật nói bảy trăm vị Tỳ-kheo kiết tập được chứa toạ cụ không cắt. (pháp có đúng sai nên khéo chọn mà thực hành) y cứ theo tướng càng nhiều sợi thì không cắt rọc không phạm. Toạ cụ quá lượng không cắt rọc mà chứa, lẽ ra cũng không tội. (việc này do Bát-Xà-Tử tùy tiện làm mười việc làm đoạn tăng cội Diêm-phù-đề) điều đó nên bỏ từ lâu. Nay khắp nơi trung hưng thì dùng phép sai lầm của Bạt-xà-tử. Luật Thập Tụng nói, may toạ cụ không chồng nhiều lớp xung quanh là Tịnh. Già luận nói hai đầu của toạ cụ không dính liền phạm tội đọa. (thời nay thường xét theo văn tăng thêm, thì dài năm thước v.v... đều phạm tội Ba-dật-đề). Đúng như pháp: là y theo lượng ba đầu mà cắt rọc may viền xung quanh. Nếu lúc ngồi đầu gối chấm đất thì theo lượng tăng thêm, may một đầu một bên liền với toạ cụ nhỏ. Đây là chánh văn của định giáo. (không y theo pháp này, trọn đời không có được chỗ ngồi đúng như pháp) luận Tát-bà-đa, lúc Phật còn tại thế, Tỳ-kheo thường ngồi thiền nhiều nên làm ngoạ cụ nhỏ. Về sau khai cho may thêm các góc, may theo một bên duy nhất.

Còn thêm một cách thủ, khiến cho Tỳ-kheo nằm trên ngoạ cụ của chư tăng. (nay thì có giới bốn ghi). Nhất cách là luật Thập Tụng, vì Tứ Phần là thác dụng. Nếu y theo luật thì hề dài sáu thước rộng ba thước (đo theo thước Tàu) ngoạ cụ của tăng phải dài tám thước Tàu, rộng bốn thước Tàu). Luật Tứ Phần nói: toạ cụ và pháp (nếu muốn chuẩn dụng cũng phải nuôi dưỡng nó, không thành thọ thì cũng phải nói tịnh).

Tăng-kỳ toạ cụ: đây là y áo, toạ cụ đem theo: không được tịnh thí và lấy cỏ, củi đầy cự-ma, Hán dịch là ngư thi (cứt trâu). Chỉ được trái ngồi.

Luật Thiện Kiến chép: nên thọ trì không nên tịnh thí vẫn không ngoài văn này. Nghĩa Gia nói: Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... ni-sư-đàn này là vừa cỡ. Xin được thọ trì (ba lần) dùng pháp ấy rất giống pháp bình bát. Đúng theo lệ, thêm pháp giữ gìn. Văn đồng pháp thọ, phần sau đổi là: nay xả bỏ. Tăng-kỳ thì được trải ra ngoài. Ở trên đường đi thì được gấp làm hai rồi xếp đôi lại nữa mặc áo, bỏ vào túi đeo lên vai phải hoặc vắt lên vai. Nếu để ở chỗ ngồi thì phải trải ra để ngồi. Nếu để ở bốn xứ thì nên cất vào trong, sau từ từ mở trải ra mà ngồi. Hễ ngồi, thì theo đúng pháp nên trước đề xuống rồi sau đó mới ngồi.

Trong kinh Hiền Ngu ghi: Ngài Xá-lợi-phất vắt ni-sư-đàn (toạ cụ) lên vai phải, vào trong chúng hàng phục tà đạo.

Trong Tỳ-nại-da, văn dài dòng: vắt lên vai vào núi ngồi thiền, nay ở để trên cánh tay trái, nhập định là phỉ pháp.

Về pháp đẩy lượ nước: Vật tuy nhỏ nhẹ nhưng có tác dụng rất lớn. Người xuất gia từ bi cứu độ chúng sinh chắc chắn là ý từ đây. Nay trên phẩm hạnh cao còn uống nước có côn trùng, huống gì chẳng những mất mát, lòng sao không nói được! Cho nên trong luật vì xem trọng sinh mạng côn trùng nên thiên chế uống dùng hai giới. Vì việc thường hiện còn và có tác dụng nên đa số phải dùng đẩy lượ nước. Còn những điều khác thì giống như trong giới tương. Nay vì luận bày sáng tỏ theo ý Phật.

Luật Tát-bà-đa nói: Muốn làm trụ xứ, trước nên xem trong nước có trùng hay không? Nếu có thì nên đào giếng khác, nếu đào giếng khác mà vẫn có trùng thì nên bỏ đi.

Pháp sử dụng nước: phải sạch sẽ giống như pháp lượ nước. Đổ nước vào chậu, đủ cho một ngày dùng, lấy một tấm vải mịn dài khoảng một khuỷu tay làm túi lượ nước đưa cho người trì giới xem xét. Lượ xong nên đổ nước vào bồn sạch, đưa ra mặt trời nhìn cho thật kỹ, nếu có trùng thì thực hành như trước đã nói.

Trong Luật Tăng-kỳ ghi: côn trùng lớn, nhỏ lượ nước phải may ba lớp, nếu lọc qua mà vẫn còn côn trùng thì liền đến giếng nhìn thật kỹ xem. Nếu trong giếng có nhiều côn trùng thì nên bỏ đi.

Luật Tứ Phần nói may cái túi lọc nước giống như hình dáng cái thìa, hoặc có ba góc như cái quách lớn. Nếu làm bình đựng nước lượ mà lo các côn trùng nhỏ nhít bò ra thì cho phép đặt vào trong túi cát, khi lượ xong thì để lại trong nước.

Chẳng được không có dây lượ nước mà đi nữa do-tuần, nếu không

có đũa lướt nước, thì dùng góc y Tăng-già-lê (chính xác là phải giấu trong cái đũa vì dơ sạch đều nhuộm nhau). Trong nước này, phần nhiều đều dùng lụa để làm. Tôi đích thân lấy lọc rồi. Bên trong bình có màu đen, có rất nhiều côn trùng nhỏ nhút giống như nước cặn.

Kinh Niết-bàn chép: bụi chằng? Côn trùng chằng? Hán dịch là Tín. Về sau dùng lụa trắng dày làm túi lọc nước mới hết. Nên hiểu rõ điều này. Nay không cần dụng công phu người cố chấp nói là luật học chỉ ở các đũa lướt nước. Nhưng họ không thương tổn sinh mạng chúng sinh. Kể hại đạo thì không cất giữ đất lướt nước. Cho dù có giữ cũng không dùng, dù có dùng nhưng khi lọc qua không lật ngược túi lại. Tuy có lộn túi ra nhưng vẫn làm tổn thương sinh mạng chúng sinh. Còn giới sát sinh, vẫn không thể vâng giữ, ngoài ra suy nghĩ kiến mạng thường mất trong đó.

Nói về thính môn chia làm bốn phần:

1- Một trăm lễ một các vật dư.

1- Y phần tảo.

3- Đàn-việt thí.

4- Vật của người qua đời.

Trong phần đầu chia làm hai là:

- Một trăm lễ một thứ giúp thân, khiến cho thọ trì.

- Vật dư và những thứ khác nói: là thanh tịnh giữ gìn. Ban đầu trong luận Tát-bà-đa nói trong một năm lễ một vật, mỗi người được gìn giữ. ngoài một trăm lễ một vật đó tất cả đều là vật dư. Nó giống như vật báu được đưa vào số một trăm lễ một vật. Cho nên không cần phải nói là thanh tịnh. Ngoài ra, tất cả các vật dụng và chẳng phải vật dụng đều là một. Ngoài những vật này ra đều phải tác tịnh (nghĩa là cho người thế tục).

Luật Tăng-kỳ chép: Đệ tử ta mặc ba y phục là đủ chống lại cái giá rét, nếu người không chịu lạnh nổi cứ mặc thêm các áo rách vào.

Luật Ngũ Phần chép: ba y, (áo lót), (áo khoác ngoài), (áo tắm mưa), (áo che ghế), y trải chỗ kinh hành, y che rậm trên vách, (có thể là bốn góc thả xuống bốn bên của giường, mỗi góc dài một thước Tàu, bên trong đặt ngọa cụ), quần, vợ, mũ, nón, khăn lau mình, khăn lau tay, khăn lau mặt, túi đựng kim chỉ, túi đựng bình bát, túi đựng giày dép. Những y như thế thì giống như y đều phải thọ trì. Văn dưới cho phép giữ ba cây kim.

Luật Thập Tụng luật thì như pháp được dùng y. Tăng-kỳ chi gọi nê-hoàn-tăng là tên của Y Ba-lợi-ca-la (nói đủ là y giúp thân) vì sao phải

nói: mầu kia là Y Ba-lợi-ca-la? nên tôi được dùng. (phải nắm chúng mà thọ, nghĩa là nên đúng như pháp mà nói). Trong luật Thiện Kiến nói, ba y, y tắm mưa, ni sư đàn-việt đều phải thọ trì: nếu không đúng cách thì thuyết tịnh thí, tuy mặc vào mà bị rách thì chẳng được không nhận, phải nói danh tự của nó. Khăn tay phải giữ hai cái. Tạt y thì mang theo bao nhiêu tùy mình, còn những y khác tuy được nhận nhưng mỗi thứ chỉ giữ một cái, không được hơn.

Luật Thập Tụng nói có bảy loại y không được làm tịnh thí: ba y, toạ cụ, áo tắm mưa, áo che ghế là sáu thứ. Thứ bảy là một trăm lẻ một vật cần dùng.

Luật Tát-bà-đa nói: trong một trăm lẻ một vật thì ba y, bình bát cần phải thọ trì. Nếu nhận từ bên ngoài thì được mà không cũng chẳng có lỗi. Tăng-chi thì phải giữ gìn, bảo vệ không quá hai y. Đồng thời phải giữ Nê-hoàn-tăng, Tăng-kiệt-chi-phú-la và mang nó theo bên mình để lúc sử dụng. Mỗi người được sử dụng một y. Tất cả những vật từ bên ngoài đều là tài vật dư. Ngoài trừ tiền và lúa gạo, đậu mè. Tất cả y dư thì giống như pháp của Đại tăng, nghĩa là trong mười ngày phải may xong. Tuy bỏ làm cát-la hồi nên khác. Kế là pháp chứa y dư. Có hai sơ minh trưởng tướng: Sau khai là thuyết tịnh. Trong đây, Tỳ-nại-da chép: y dư là vì may một ngày xong. Cách thức trong Tăng-kỳ-chi (Đây là âm phạm của Trung quốc, dịch là Thượng hiệp hạ quảng y). Luật Tứ Phần nói phải mặc Tăng-kỳ-chi khi đi vào xóm. Nếu may dây đai vào thì được y Thượng hiệp hạ quảng, nên dùng làm Tăng-kỳ-chi.

Luật Thập Tụng nói vì đi vào xóm để bày hông ngực nên phải mặc Tăng-kỳ-chi. Vì gió thổi bay rớt y nên phải buộc dây đai, người không mặc thì phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần nói: không mặc Tăng-kỳ-chi khi đi vào xóm, phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ chép: Tăng-kỳ-chi là cái áo che vai dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay. Như thế mà thọ trì. Đúng theo chiều dài của y này đủ che vai (Ngày nay người mặc thì giống như trong luật trên hẹp dưới rộng. Đây là ở đời Hậu Ngụy có thầy sửa lại cách may) còn viết sơ giải thích thật rõ. Pháp tăng trong kinh Niết-bàn (đây nói là áo lót).

Luật Tăng-kỳ chép: Phật ở trước chùa Tăng mặc nội y (áo lót trong) để dạy chúng Tỳ-kheo, do đó chế giới.

Luật Thập Tụng chép: Lúc làm nên mặc tiểu Nê-hoàn-tăng. Tam Thiên nói: pháp của Nê-hoàn-tăng:

1. Không đem dưới mặc lên trên.

2. Làm cho bốn góc bằng nhau.
3. Gấp đầu mới lại gần mặt trái.
4. Thắt dây đai mặt phải.

5. Phải quấn ba vòng, không thả hai đầu thông xuống. Những pháp khác giống như kia.

Ngũ Bách Vấn chép: trời lạnh quá thì mặc dài đến gót chân. Luật Tứ Phần nói không được mặc ngược nếp gấp vì nhà người tại gia thấy rõ phải may dây buộc đeo vào. Không được lấy vải màu gồm trắng để may, nên may màu ca-sa rộng ba ngón tay quấn quanh lưng ba vòng. Nếu may xong phải hai, ba, bốn điều. Nếu may bị lộn, cái ngắn thì nối thêm. Nếu nhỏ nhạt mau rách thì làm nửa vòng thân (đây gọi là lấy y quấn quanh thân rồi dùng dây đai buộc gọn lại) (Ngày nay, tăng của nước Ngô Thục phần nhiều mặc quần).

Luật Thập Tụng, Ngũ Phần chép: lúc may y nên may từ sau qua đường giữa. Nếp gấp mặc ở phía trước, pháp mặc y dưới hạ y), bên trái che phần trên, hai bên, hai nếp gấp, phải gấp làm hai ở mặt sau.

Luật Thập Tụng chép: Nê-hoàn-tăng bị rách thí phải khéo sửa lại thành câu-tu-la. Nếu Tỳ-kheo có thân thể mềm mại thì lau phần dưới bị rách, cho phép hở năm tấc được thọ dùng. (đây gần giống như cái quần tròn trong thân).

Luật Ngũ Phần có nói về việc mặc y câu-tu-la. Người thế tục chê bai rằng: “khác gì chúng tôi mặc áo dây chui đầu”, nên luật không cho mặc. Y An-đà-hội hư cũ thì cho phép vá lại để dùng tạm (đây là loại quần người nữ mặc). Thời nay mặc Đãn-tụ-bác mới là quần, các quần áo cánh, áo chằng hê là chánh văn đáng y cứ.

Luật Thập Tụng chép: y có năm mẫu chính, nhất thiết mao y, thiên tụ y, phức y, nhất thiết điệp y, nhất thiết quán đầu y, lưỡng tụ y, nhất thiết Nang y, nhất thiết sam khố quần bạch y, y phục đều không được mặc, [page110]. Nếu mặc thì phạm Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần chép: không được mặc áo cánh quần đùi mà đi. Áo đàng thủ, áo cỏ, áo da, mũ da, áo lông chim, áo lông trâu ngựa, các thứ áo như thế đều không được mặc. Người ngu cấm lại còn làm việc khác. Từ nay trở đi tất cả các thứ áo của người tại gia và ngoại đạo đều không được mặc. Nếu mặc thì đúng như pháp trị.

Trung A-hàm ghi: Tăng nói tất cả y phục, thức ăn đồ uống, giường thấp, vườn rừng, người dân cúng cho thì được cất giữ. Cái không được cất giữ thì không nhất định. Nếu nói cái được cất giữ, nếu ngược lại với điều ta nói thì không được cất giữ.

Luật Tứ Phần thì khai cho chúng tăng được cất chứa nhiều loại y áo. Nếu có Tỳ-kheo nào cần thì cho họ mượn mặc. Nếu chỗ ở đó bị hư hoại thì dời đi chỗ khác, còn trở về chỗ cũ thì phải y theo sự sắp xếp cũ. Nếu mặc tăng y thì phải yêu chuộng, giữ gìn nó, đừng để dính bụi bặm, không được mặc sấn y, làm xong thì tắm giặt.

Luật Tứ Phần do đó khai cho Tỳ-kheo được mặc y của đàn-việt cúng, vì thế vua Bình-sa đem dâng cúng cái quý giá ông đang mặc và tắm thắm quý giá ông đang dùng. Phật cho phép rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay lông dài ba ngón tay, phải tịnh thí rời mới được, cất giữ. Nếu tắm thắm lông rộng dài quá thì không được. Nếu áo quá quý giá, thắm chải quá sang thì không được đi trên đó.

Luật Thập Tụng thì cho phép ngồi trên áo gấm lụa là nhưng không được đi trên đó.

Luật Ngũ Phần nói trải lụa gấm sắc sỡ đủ màu, phạm Đột-cát-la (trong nhà thế tục).

Luật Tứ Phần chép: khai cho Tỳ-kheo ở trong phòng ngồi trên lụa màu sáng đẹp, nằm trên lụa màu sáng đẹp, phủ sấn thể y, chiêm bị ba y, phòng y và thuốc men v.v... nếu không ở thì cúng dường tất cả cho tăng. Lại nói: thán quá lạnh vì sợ lạnh nên cho phép cất giữ áo dày, còn khai cho Tỳ-kheo được mang túi đựng bình bát, túi đựng giày dép, ống đựng kim chỉ, áo đơn, dây thắt lưng (dây đai) mũ, khăn lau chân, khăn hút nhiệt, khăn để trong giày dép. Và khăn lau mặt, khăn lau mình, khăn chặm mồ hôi. Còn tất cả những y phục gửi ở nhà người tại gia cần phải nhuộm màu hoại sắc làm pháp y Sa-môn.

Luật Tứ Phần nói: không được ngồi trên tấm da, trụ ở biên địa, được phép đắp y hoại sắc trên y gấm lụa, không được cất giữ y gấm lụa, y hoại sắc thì được cất giữ cùng với mũ da. Nếu sợ bị ghẻ thì được cất giữ y che ghẻ còn người không bị gì thì đưa những vật dụng ấy cho tăng giữ. Nếu sắp đi ra ngoài thì được giữ lại để dùng, bệnh ghẻ lành thì trở về bốn xứ.

Kinh Trung A-hàm nói: hiếm khi áo quý của nhà vua mà lót đường cho Phật bước lên rồi sau đó lại mặc tiếp. Việc này làm cho thí chủ được phước lớn (những y khác thì y cứ theo đây).

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo ở vùng biên địa thì linh động khai cho năm việc:

1. Năm người trì luật thì được thọ đại giới vì Tăng ít nên ba năm mới nhóm họp.
2. Mang giày da thuộc hai lớp (vì cát đá nhiều).

3. Thường tắm gội (vì sinh đời lành).

4. Ngoa cụ làm bằng da dê xám, dê trắng, da nai (vì vùng ấy không có vật khác để làm ngoa cụ).

5. Cho phép Tỳ-kheo y vào tay đủ số mười ngày (vì không có người có khả năng đối đáp).

Luật nói: phương Đông có nước tên Bạch Mộc Điều, vì ở bên ngoài nên cho phép (theo đời Lương Cống hiến chức đồ. Nói nước Tây phiên Bạch Mộc Điều đến công thì (nước) này ở phía Đông (nước) kia, mà tăng ở vùng biên địa phần nhiều dùng bốn khai pháp, luật kết chánh tội, hẳn là không có Tăng để đắc, dùng theo thì không có lỗi).

Luật nói: không được cất chứa da su tử, cạp, beo, khi, chồn và những tấm da dơ xấu khác. Lại không được nằm ngồi trên giường cao, rộng. Nếu một mình ngồi trên giường dây, giường cây, giường ngà voi, lấy da voi, da ngựa che lên, tọa cụ, đệm làm bằng gấm màu để làm đệm thì tuyệt đối không được dùng. Nếu không có cái gì khác ngoài những giường trải lụa thì có thể khai cho ngồi, trừ giường báu. Không được xin da sống. Nếu xách nước mà dây bị đứt thì cho phép dùng da làm dây. Nếu dây cửa bị hư thì cho phép dùng da làm. Nếu then cửa không xoay chuyển, hoặc bị hư thì cho phép dùng da để sửa lại. Nếu dùng da làm dây đai lưng, áo đơn, mang theo những đồ dùng (vật dụng) bằng da thì không được. Nếu dùng làm tấm màn che hiên thì không được. Đi đường sợ nóng bức dùng y làm vật che.

Tam Thiên chép: phải khéo giữ gìn, hỗ trợ nghĩa là dây áo đơn rộng một thước (Tàu), dài tám thước, đầu có cái móc, ba lớp dùng da thuộc. Những pháp khác như đây, phải mặc nó ở chỗ riêng. Nước lạnh có tuyết phải có vợ, cho phép xin những người thế tục không bà con, không được dùng những vật khác. Kinh Tỳ Mâu chép: ở chỗ lạnh quá, cho phép mang ủng của người thế tục.

Luật Ngũ Phần chép: làm ủng sâu lắm cho phép trên hoặc bằng mắt cá chân. Tỳ-kheo làm ủng thì không được làm kiểu quá đẹp. Nếu ở nước khác thì mang phú-la, nếu chỗ có giày dép thì tùy ý mang.

Tỳ-ni Mâu nói: sở dĩ cởi giày dép đi nhiều quanh Phật là vì sợ người đời quở trách khỏi tâm nhạo báng.

Ngũ Bách Vấn chép: giày ủng thật sạch sẽ thì được mang lễ bái.

Luật Ngũ Phần chép: được đôi giày mới khiến tịnh nhân mang đi bảy bước.

Luật Tứ Phần cho phép mang giầy dép vì bảo vệ chân, bảo vệ y, bảo vệ ngoa cụ v.v... Ở trong chùa nên mang giày da một lớp. Nếu như

mang bị hư thì lấy vỏ cây, lấy da, lấy gân, lấy lông làm kim chỉ vá lại. Nếu được một tấm da sống thì cho phép tự làm cho mềm mại. Nếu bảo người làm cho mềm mại xong thì cắt ra may thành đôi giày một lớp và không được mang nó vào xóm. Trong văn vì có bỏ phần ở trong đạo, ở tụ lạc vén y bày vai, Phật nói: Nếu có chỗ lấy cho thì tùy thời (y cứ theo đây khai: vào trong xóm không cởi giày dép và vén y bày vai. Văn đã nói rõ điều này). Lại không được dùng da nhiều màu sắc. Nếu giữ lụa là thì nên cho làm dải giày dép. Nếu đan đường biên thì hoặc màu sắc xanh. Nếu giữ lụa là thì nên cho làm dải giày dép. Nếu đan đường biên thì hoặc màu xanh, vàng, đỏ, trắng, v.v... làm giày dép, v.v... đều không hợp. Nếu được giày dép màu gấm mà đã bạc màu thì cho phép cất giữ. Nếu lấy cỏ gai, v.v... làm giày dép cũng không được. Nếu ở trong chùa cho phép mang giày cỏ bồ. Nếu hư thì dùng da cây và lại. Không được chứa bốn loại giày quý báu. Nếu guốc bằng gỗ thì khi vào nhà đại tiểu tiện ra phải rửa chân, rửa guốc. Vì ngoài tất cả guốc ra không được cất chứa. Nói rõ ràng sáu môn trong phép làm tịnh thí:

1. Chế giới ý.
2. Hai thí chủ khác nhau.
3. Khai thuyết có tiến hay không.
4. Cách dùng của thuyết.
5. Vì giải thích lý do còn mất của thí chủ.
6. Nói về mất pháp khác nhau.

Trong phần đầu, luận Tát-bà-đa hỏi rằng:

- Pháp tịnh thí này là thật hay giả?

- Vì lòng đại bi và năng lực phương tiện nên Phật bảo làm tịnh thí.

Đây là phương tiện thí, chẳng phải là chân thật thí, khiến cho các đệ tử được giữ vật lâu dài mà không phạm giới.

Hỏi: Phật lấy gì không ngay thẳng khiến cho cất giữ tài vật lâu dài mà cưỡng cho kết giới, bày ra cách thức, lấy ít muốn làm gốc? Đáp: kết giới cấm chế khiến cho không được cất giữ. Nhưng chúng sinh căn tánh khác nhau, ngộ nhập mỗi mỗi đều khác. Như ngày xưa nhất thời khai phòng xá bằng bảy báu, Tỳ-kheo vào trong đó liền chứng thánh đạo. Cho nên tùy căn cơ báo ứng, trước chế sau khai. Vì sao khai mười ngày?

Đáp: Phật biết trước các pháp không chậm, không gấp, đáng khai khiến cho người tính lượng phát thể bố thí may vá sửa sang y áo và nói pháp thanh tịnh.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Nếu bố thí thì khởi phải thuyết tịnh, vì tâm

ác, nên không đủ mười ngày, đều phạm tội xả đọa. Trong trì Địa, Pháp Bồ-tát cũng có pháp tịnh thí. Kinh Niết-bàn cũng vậy. Nhị Giản thí chủ pháp thì trong y phục, thuốc, bình bát, vật báu, ngũ cốc, lúa đậu, cần đến thí chủ, trước nói Thượng Tam thí chủ.

Luật Tăng-kỳ chép: năm chúng được làm.

Luật Thiện Kiến nói: xoay vần lần lượt trong năm chúng theo một người làm thí chủ. Người chân thật, đến chỗ một Tỳ-kheo không so sánh với một Sa-di.

Luật Ngũ Phần nói: Năm hạng người không nên làm:

1. Không quen biết nhau.
2. Chưa am tường nhau.
3. Chưa tiếp cận lẫn nhau.
4. Chẳng phải là bạn thân cùng thầy.
5. Chẳng phải lúc.

- Lại có bốn hạng người không nên làm:

1. Người không thể khen ngợi.
2. Không thích khen ngợi điều tốt của người.
3. Nên tịnh thí cho năm chúng.
4. Không được cho người tại gia.

Luật Thập Tụng chép: Không được nói hai, ba người tác tịnh, nên cho một người. Nếu giữ vật tịnh thí của người kia mà không trả lại nên đòi lấy người không được thì cưỡng đoạt lấy, nói: Phật có dạy: vì thanh tịnh nên cho ông, nay ông mang đi đi, phạm Đột-cát-la. Từ nay trở đi thuyết tịnh thí thì phải có thể cho một người tốt (gọi là đối thú nhận tịnh thí).

Luật Tát-bà-đa nói: Tìm người giữ giới, học rộng có đức để làm, trừ bốn trọng tà ác. Đắc giới sa-di, mù loà, đui điếc, câm ngọng, tâm điên cuồng, hành biệt trụ sáu đêm, người có pháp v.v... Vì khiến cho thanh tịnh nên làm chứng minh, không gây đấu tranh. Những người như trên thì không đúng như pháp, không phải những người này thì dùng làm thí chủ, sau thí chủ mà thuyết tịnh: tiền của, vật báu, lúa đậu đều lấy người thế tục làm thí chủ, Kinh Niết-bàn nói: tuy cho phép nhận và cất giữ nhưng phải tịnh thí để làm cho đàn-việt vững lòng tin.

Luật Tát-bà-đa nói: trước tìm người tại gia biết pháp, sau mới được nói ba lần hỏi có nghe pháp hay không? Ở trước nói phải thỉnh.

Luật Tát-bà-đa nói: phải tìm những người học rộng, nếu đến nước kia chết thì phải tìm người thanh tịnh làm. Muốn làm chứng minh thì nói đúng như pháp. Cho nên biết đối diện thỉnh. Cho đến tiền bạc, vật

báu cũng nói khiến biết pháp của Tỳ-kheo. Nay lấy đàn-việt làm tịnh chủ. Văn này đã nói rõ là khai thỉnh. Kế đến nói dường như không cần thỉnh

Luật Ngũ Phần chép: ở trong năm chúng tùy ý cho (giống như phải thời chỉ bày nên không có văn. Tùy nhị bộ dùng mong đức cao rộng không thể đề cập đến, y theo dụng của Luật Ngũ Phần, nếu thỉnh mới thì được).

Thỉnh pháp nên đầy đủ nghi thức, đến chỗ Đại đức, trước phải nêu bốn ý của mình, nếu cho phép thì sau nói: Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo v.v... nay thỉnh Đại đức làm người triển chuyển tịnh thí các thứ y phục, thuốc, bình bát. Xin Đại đức làm người triển chuyển tịnh thí của y phục, bình bát, thuốc, vì lòng thương xót(thỉnh ba lần)

(Y cứ theo văn trong luật Thiện Kiến, năm chúng đều hiểu được).

Nếu đến chỗ Tỳ-kheo-ni, nói: nay tôi xin Tỳ-kheo-ni làm người triển chuyển tịnh thí, mong cô làm việc đó(Ba chúng dưới cùng giống như vậy, pháp thỉnh không thêm văn nghĩa).

Về chân thật tịnh thí, (Luật Thiện Kiến đối với Tỳ-kheo vì đích thân đối thuyết tịnh, Tỳ-kheo-ni và bốn chúng đều phải làm pháp nghĩa, không khai).

Văn rằng: Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Nay xin Đại đức làm người chân thật tịnh thí các thứ y phục, thuốc, bình bát. Xin Đại đức vì còn làm người chân thật tịnh thí, vì lòng thương xót, xin Đại đức làm người chân thật tịnh thí (nói ba lần).

Luận Tát-bà-đa nói: Trước phải tìm người tại gia biết pháp nói điều đó. Nếu người không biết thì nói cho họ hiểu. Đến chỗ người kia nói Tỳ-kheo biết pháp không được cất giữ tiền bạc, vật báu, vàng bạc, lúa gạo, đậu mè, v.v... Nay đem đàn-việt làm tịnh thí chủ, sau được tiền bạc, vật báu đều thí cho đàn-việt. Kế đến hỏi có thích hợp hay không?

Luận Tát-bà-đa nói: tiền bạc, vật báu, lúa đậu cũng giống như y dư mười ngày thuyết tịnh. Kinh Niết-bàn, v.v... nói về pháp tác tịnh, luật Ngũ Phần nói Tỳ-kheo ở một mình, tâm nghĩ miệng nói: đầy đủ uy nghi cầm y, tâm nghĩ miệng nói: y dư này tặng tịnh thí cho... từ người kia nhận dùng, đến ngày thứ mười một, lại giữ uy nghi như trước, nói:

Đã đến mười ngày rồi, tôi lấy lại cái y dư của tôi từ người kia. Lại như lần đầu thuyết tịnh thí cho người nào đó, từ người đó lấy dùng xả như thế thọ lại cái mới khác vào ngày thứ mười một.

Luật Tăng-kỳ nói: tâm niệm thuyết tịnh mà miệng không nói.

Đây gọi là phi pháp tịnh việ, nếu miệng nói thì không tội, trong luật nói xả cái cũ, thọ cái mới đến ngày thứ mười một. Đúng là không thuyết tịnh (hoặc có thể vì thuyết tịnh khiến cho xoay vần). Đối mặt xoay vần, đầy đủ uy nghi, tay cầm y, miệng nói: Đại đức một lòng nghĩ, đây là y dư của mõ giáp chưa tác tịnh, vì vậy muốn làm tịnh thí. Xin Đại đức vì tôi xoay vần tịnh thí (người kia nhận thỉnh), nói:

Đại đức một lòng nhớ nghĩ: thầy có cái y dư này chưa tịnh thí, vì tịnh thí cho tôi, nay tôi nhận (phải nói thầy tịnh thí cho ai?). Đáp rằng: tịnh thí cho người (nào đó) (làm tịnh chủ, tên họ...)

Đại đức một lòng nhớ nghĩ, ông có cái y dư chưa tịnh thí nên tịnh thí cho tôi. Nay tôi thọ nhận, vậy thầy cho (mõ giáp) hãy khéo giữ gìn. tùy nhân duyên để mặc (nếu bình bát, thuốc đều y cứ theo đây), ngoài ba luật. Do trước đối diện tác tịnh mà sinh ra cạnh tranh. Do đó chế giới không được đối diện khiến cho biết. Lại thí chủ biết sau sợ phạm dư, Phật dạy:

Luật Thiện Kiến chép: người đối diện tác tịnh đều bảo họ mặc y đến chỗ một Tỳ-kheo quỳ thưa: tôi có chiếc y dư này, vì là tịnh thí nên nay tôi thí cho thầy, thầy nên giữ gìn, không được dùng, vì sao nói được dùng?

Nếu nói đây là y của tôi thì tùy Trưởng lão dùng. Nếu thầy được dùng thì chính là tác pháp giống với nghi thức trước.

Đại Đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi (mõ giáp) có cái y dư này chưa làm tịnh thí. Vì là tịnh xả cho Đại đức làm chân thật tịnh thí (hai tịnh y, văn viết trong Tứ phần) hai tịnh thành tựu.

Luật Thiện Kiến chép: thí cho Đại đức, xả cho Đại đức, cho Đại Đức... đều thành tịnh thí. Nên nói xin Đại đức nhận y này, đều thành.

Người chân thật thọ nói: “Tôi nhận, tôi thọ” thì thành, nếu nói “tôi phải lấy, muốn lấy” đều không thành thọ, phải nói ba lần.

Luật Ngũ Phần nói: Mạn tiêu nói, đủ uy nghi đến chỗ Tỳ-kheo nói: Trưởng lão một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo(mõ giáp), tài vật lâu dài này ở chỗ bên Trưởng lão làm tịnh thí.

Người kia nên hỏi: Trưởng lão! Y này Trưởng lão tịnh thí, tôi đem cho ai.

Đáp: ở trong năm chúng, muốn cho ai cũng được. Người kia liền nói: nay tôi cho mõ giáp, nếu cần thì đến người đó lấy dùng, nên yêu mến và giữ gìn nó (gọi là triển chuyển tịnh thí, pháp tịnh thí này thường phải nhờ thí chủ và tài vật sở thuộc). Lại nói: giày guốc nếu sạch sẽ thì người mang vào sạch sẽ, đối với tiền bạc vật báu, (lúa gạo v.v... cũng

nói như vậy).

Luật dạy: Nên đem đến chỗ vị ưu-bà-tắc đáng tin, hoặc người vườn nói: Đây là việc tôi không nên làm, thầy nên biết đó, trong văn không bảo tịnh nhân giữ, nên làm cho người thế tục biệt là vật.

Theo Luật Tăng-kỳ, người thế tục không có lòng tin khiến ở trước đi đến chỗ tịnh nhân làm pháp như trước. Nếu tịnh nhân kia được vật thanh tịnh đến thì phải nhận lấy, giữ vật thanh tịnh đến thì phải nhận lấy, giữ gìn vật đó. Trừ có đến mà không theo trong ba mươi tùy tướng đã nói rộng: năm việc còn mất có biết chăng?

Luật Tăng-kỳ nói: ngang với ba do-tuần biết sự còn mất.

Luật Ngũ Phần nói: biết nó ở đời, hay ở đạo?

Luận Tát-bà-đa nói: Nếu thí chủ chết, hoặc đến nước khác thì phải tìm thí chủ khác.

Luật Tứ Phần thì không có văn, tùy ý chọn dùng. Nhưng phép làm thí chủ thì phải y theo luật luận, gọi là hạnh cao thượng, làm cho xa gần đều thông hiểu. Như phiểm nhĩ hằng nhân, đồng chùa liền trở thành mất pháp (vì không biết hành nghiệp nên không đáp).

Nghĩa sáu tác pháp có mất hay không?

Luật Tăng-kỳ nói: Sa-di ở vùng biên địa tác pháp tịnh thí, nếu nhận đủ thì gọi là Tỳ-kheo vô tuế. Nếu chết thì được giữ lại mười ngày, lại phải thuyết tịnh, có người nói: người chân thật tịnh thí mất thì mất, nếu xoay vẫn thì không mất. Đây vì chưa đọc văn trong chánh luật. Rõ ràng cả hai tịnh thí chủ đều mất thì chẳng phải là chủ chính. Nếu không biết thí chủ còn hay mất thì liền thành pháp thất tịnh, không được quá mười ngày.

Luận Tát-bà-đa nói: nếu thí chủ chết thì phải tìm tịnh chủ, trừ vàng bạc, vật quý và tất cả những tài vật giá trị. Tất cả năm chúng ở vùng biên địa tác tịnh (hai thí chủ giữ vật quý giá cũng nội trong mười ngày lại xin).

Luật Thập Tụng chép: nếu tịnh thí chủ là đệ tử, người bị thầy quở trách thì luật không được tác tịnh, nên đổi thí chủ. Ngoài ra, nếu thí chủ chết thì cũng tìm thí chủ khác. Tài sản thuộc về người khác, người khác giả danh mà cho. Ở đây y theo, sự xoay vẫn ở trước người không triển chuyển thì sai lầm, lại văn trên nói; một người làm chủ không được hai người làm chủ, lại cho Ngũ Phần là xa vởi có điều sai, hoặc là lập pháp. Nếu trong năm chúng lấy thì đến tác pháp thường chỉ một người).

Luật Thiện Kiến nói: Nếu vì phương tiện tịnh thí mà giấu không trả thì tính thẳng là phạm tội(vì biết thuộc về chủ cũ).

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu y áo nhiều mắt không biết thì nên gom tất cả y áo lại một nơi để xả, nên nói: các y áo này tôi tịnh thí cho (mỗ giáp), nay tôi lại bỏ.

Nên đáp lại rằng: “Luật Tứ Phần nói: nếu quên thì khai cho quên sau mười ngày (ở đây gọi là có thể phân biệt).

Luận Tát-bà-đa chép: nếu thuyết tịnh của báu và y phục mà người kia bán trả lại tiền cho đến y phục, vật báu cũng trả lại tương đương thì không cần thuyết tịnh, Nếu trả lại vật không tương tự thì phải thuyết tịnh (vì chẳng khác tham lam cất chứa từng chút).

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Nếu y phục đã thuyết tịnh và điểm tịnh mà may y mặc thì gọi là Y hòa hợp tịnh (điểm tịnh giống như trong tùy tướng). Năm mẫu chính đều là mẫu gấm ở phần trên, tuy y hoà hợp tịnh không thành. Nếu trước nhuộm màu sắc chính hoặc không chính, sau dùng màu khác hòa với màu chính để nhuộm, gọi là màu hòa hợp, được cất giữ, những thứ khác đầy đủ như trong tùy tướng.

Hai y phần tảo thì chế mặc, ý này người thế tục đã bỏ không tin dùng nữa. Nghĩa giống như phần tảo.

Luật nói rằng:

1. Thế là vật tiện, xa lìa sự tham đắm.
2. Không bị vua bị giặc tham lấy, tài sản của mình thường được lâu dài. Lại nữa, ít ham muốn, thường suy xét sự việc để cứu giúp những hình khổ, cho nên bậc thượng sĩ mặc y này.

Thập Trụ Bà-sa nói: mặc y phần tảo có mười điều lợi:

1. Không dùng y vì cho người tại gia hòa hợp.
2. Không dùng y vì hiện xin tướng y (hình dáng của y).
3. Cũng không dùng phương tiện nói để được tướng y.
4. Không dùng y vì bốn phương không có cách tìm cầu.
5. Nếu không được y cũng không buồn.
6. Được y cũng không vui.
7. Vật tiện đổi được thì không có lỗi.
8. Thuận hạnh, ban đầu nhận từ y pháp.
9. Thường vào trong số y thô.
10. Không bị người tham đoạt lấy.

Nói về thể của y: Luật Tứ Phần nói có mười loại: Y trâu nhai, y chuột cắn, y lửa đốt, (đây là ban y nước kia, có người dịch, có người bỏ), y nguyệt thủy, y sản phụ, y trong miếu thần, y bị chim gắp, gió bay đến chỗ khác, y lượm được ở gò má, y cầu nguyện, y vãng hoàn (đến trên mộ rồi đem trở về) giống như trên. Không dùng màu sắc mới đẹp, phải

nhuộm thành màu ca-sa rồi mới thọ trì. Lại không được lấy y của người chết mà thân thể chưa hoại (khéo nhìn ở dưới đến một cây kim thì gọi là hoại) giống như phần trên.

Nếu ở trong chiêm bao lấy được ngọc cụ bằng gấm hoa, giấy lót nỉ, gối, thảm không trải giường tòa, trừ dây da, dây tóc, ngoài ra tất cả đều được cất giữ. Lại cho phép cất giữ mái che trên xe kéo bộ, bình nước, bồn tắm, gậy, quạt, cốc, móc, dao, khoá. Được đồng tiền hư thì đem về làm đồng để dùng, lúc lấy vật phần tảo vốn không yêu cầu, đòi hỏi. Đến mộ lấy y, không được ở xa nói với là: “cho tôi”, phải theo người đến trước để được (nếu y đã dời chỗ thì người đến trước để được (nếu y đã dời chỗ thì thuộc về chủ dời trước (nếu y đã dời chỗ thì thuộc về chủ dời trước). Không được lấy y trong miếu thần, những người đi đường thường đem nhiều phẩm vật tốt vào trong miếu dâng hiến, Phật chế: không được lột y trên tượng, bó cột cờ phướn, lộng và hàng tơ lụa, vì lý rất sâu xa. Nếu nghi mà liền lấy, phạm tội ăn trộm. Đã biết mà còn làm việc đó, chẳng thể không gây phiền hà lẫn nhau, thậm chí có người tàng thân lánh mặt chủ thần để cướp đoạt, phạm tội Ba-la-di, như tùy trong tướng.

Luật Thập Tụng nói: lấy y của người chết thân thể chưa hoại, phạm thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến chép: người chết có vết thương nhỏ như đầu cây kim, da chưa đứt ra thì bảo người thế tục lấy.

Luật Thập Tụng nói: có bốn loại y phần tảo:

1. Người chết trong mộ.
2. Y của người chết đem đến cho Tỳ-kheo.
3. Y vô chủ.
4. Y đất.

Luật Tứ phần nói: phần tảo giữa những đồ vật tẻ xấu ở gò mả, giữa bờ ruộng hẹp thì giặt nhuộm bốn góc, tác tịnh rồi cất giữ. Nếu lượm được dép guốc quý, có giá trị tuy đã khai cho được cất giữ, Phật nói là Phần tảo.

Đàn việt thì y có hai thứ:

1. Đúng thời.
2. Phi thời.

Nói đúng thời nghĩa là cuối hạ không có y ca-hi-na thì một tháng hoặc năm tháng sau mới có y. Phật vì muốn làm lợi ích cho các Tỳ-kheo nên lúc ấy dùng năm điều lợi để thưởng công, nên gọi là thời thí, chỉ riêng cho người tiền an cư.

Nói phi thời thí, nghĩa là các tháng trong một năm không chỉ là đông, hạ, hễ có duyên là cúng dường vì bất kể thời tiết nào, nên gọi luật là phi thời thí: Nay lần lượt khai vị thì có bốn thứ khác nhau:

Trong phần thời thí có hai:

1. Sơ thời hiện tiền: thí chủ đem y phục phẩm vật đến trú xứ an cư, bao nhiêu người an cư thì được bấy nhiêu phẩm vật, không cần phải Yết-ma mà chia thẳng cho tăng chúng, nên định ra bốn loại:

1. Xác định thời gian: giống như ngày 16-7, nếu hạ chưa xong, nhận y thì đắc tội.

2. Xác định nơi chốn: như người tiền an cư trong giới hạn này.

3. Xác định người được nhận: chẳng phải người ngoài giới mà người hiện tiền ở chung.

4. Xác định pháp: tính số người, phát thẻ và đặt phần y ngay người đó.

Luật Tứ Phần chép: Không được an cư một nơi nhận y một chỗ, nhận đến an cư chưa xong cũng không được xin y, nhận y.

Lại nói: tăng được phép phân phát y an cư cho hai bộ, bao nhiêu người an cư được bấy nhiêu phần.

Lại nói: Dâng ba y cúng dường Phật, các Tỳ-kheo được nhận tẩm chăn, vì an cư, nếu còn thức ăn trong hạ thì nên chia ra. Phật dạy: thức ăn tùy theo ý thí chủ, không nên chia.

Nhị thời Tăng đắc thí: nghĩa là thí chủ cúng dường nên thông báo cho người an cư biết là chúng tăng đều được vật phẩm cúng dường Yết-ma.

Luật nói: Được y mùa hạ nhưng chưa chia mà Tăng lại đi, cuối hạ đem y chia phần cho tăng nhưng lại quên không để dành phần cho người đi. Phật nói: Thành phần.

Lại nói nếu một Tỳ-kheo an cư được tăng chia cho y tốt hơn, rộng hơn, nên tâm nghĩ, miệng nói là nhận nó. Nếu trong lúc đó không chia thì nên để ngày 16-8 phi thời phân chia: tức là tác phi thời tăng được pháp thí vì tiền an cư dời đến nơi khác. Nếu không được chia phần y thì Phật phạt những người ở lại, bảo họ chia phần bằng nhau.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu y trong lúc an cư, Sa-di trì giới được tác tịnh, được Tỳ-kheo tùy ý cho.

Luật Ngũ Phần chép: gặp việc khó khăn phá an cư vẫn được nhận y an cư, ở trong một ngày nhận nhiều nơi.

Trong thí thời cũng có hai:

1. Sơ phi thời hiện tiền: thí chủ mời tăng đến nhà, đến chùa thiết

lễ cúng dường, vật phẩm cúng dường tùy theo số người mà cúng.

Luật nói: các đàn-việt muốn cúng dường y tốt cho các Tỳ-kheo. Phật bảo tính xem bao nhiêu người, nếu mười người thì chia thành mười phần, cho đến một trăm người thì chia một trăm phần, tốt xấu xen nhau, khiến cho người không thấy ném thê. Nếu y quá giá trị không thể chia thì cho phép cắt ra để chia. Nên dùng dao cắt y.

Luật Thập Tụng chép: Thời y hoặc phi thời y tăng thí cho đến y của người chết, tất cả phẩm vật bố thí, Sa-di hoặc đứng hoặc ngồi đàn-việt theo thứ lớp tự tay bố thí bao nhiêu phần thuộc về Sa-di. Nếu đàn-việt không phân biệt, chia làm bốn phần: ba phần cúng dường Tỳ-kheo, phần thứ tư chia cho ba chúng dưới. Nếu đàn-việt chia làm năm phần thì một phần của Tỳ-kheo cúng cho ba Sa-di, cũng giống như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: Sa-di đặc pháp thì được nhận phần bằng phân nửa (y cứ theo hiện tiền hai bộ tăng này, cùng cho hai loại tăng, được theo tăng hòa hợp) phẩm vật chia bốn phần hay năm phần đã nói: tăng được vật thí hay năm phần đã nói. Tăng được vật thí đến tịnh nhân cũng được vật thí thì nên nhận phần của mình (như dưới đây phẩm vật của người đã chết đem chia cho chúng).

2. Phi thời tăng được nhận vật cúng dường. Nghĩa là thí chủ có lòng nghĩ tới, chu cấp phẩm vật đồ dùng đầy đủ cả ba thời không có giới hạn. Có người đem phẩm vật đến chùa dâng cúng, có người thỉnh tăng theo nghi lễ về nhà mình để dâng cúng tài vật. Tăng liền Yết-ma quyết định điều đó, Như pháp phân vật bình thường của người chết.

Luật dạy: có chư tăng hiện tiền ở trú xứ được nhiều phẩm vật, y phục thì nên chia phân vật có thể chia. Lúc có Tỳ-kheo khách đến thì nên đếm số khách để chia y nên rất cực nhọc.

Phật dạy: sai một người bạch nhị Yết-ma rồi chia. Hai bộ hổ chánh cũng có bốn pháp.

Luật Tứ Phần, Luật Thập Tụng chép: nếu cúng dường Tỳ-kheo tăng nhận đốn không có một Sa-di; nếu cúng dường Ni tăng nhận đốn không có một Sa-di-ni. Như thế năm chúng đều nhận. Nếu thí chủ đến chùa không phân biệt tăng ni thì tăng hiện tiền đều được nhận (phải đều là ruộng phước nên mỗi người trong chúng đều được nhận).

Ngũ Bách Vấn đáp: có người cúng dường chúng tăng phẩm vật, sau lại có Tỳ-kheo đến vào trong chúng, nếu bố thí thì không được. Nếu có dư những vật cúng mà người bổn đạo đã đi, người sau nên hỏi thì sẽ không hợp. Nếu mãi không đến thì chú nguyện mà lấy. Có người đến nên không lấy được, phạm xả đạo. Biết chết mà lấy phạm khí tăng

vật.

Nói về mất thì phân chia tài vật cho năm chúng, đã là tài vật thì người lớn nhỏ gì cũng lợi dưỡng, chẳng là chỗ đạo sĩ hằng mong, sau xuất gia, thì cứu giúp những người đi xa cực khổ đều được an vui. Được người đời khen ngợi và hết lòng yêu mến. Chỉ có bậc xuất đạo mới kính cẩn nghiêm trang biểu hiện ở đời không có lợi là gần gũi hoàn toàn không có chỉ đạo [page113]. Nhưng hai hạng sĩ bậc thượng thông đạt lập pháp để cứu độ chúng sinh. Hạng sĩ bậc hạ thông đạt thọ pháp nhưng tùy theo hoài bão. Cả hai đều phải thuận theo Phật pháp dụng thông nhất đạo tịnh hạnh.

Tăng đã chết, y phục, đồ vật dư nhiều thì đem tất cả ra bạch với đại chúng. Nhưng do sự giáo dưỡng có nhẹ, nặng, căn cơ chúng ngộ có cạn sâu, như đã nói rõ trong bài tựa, còn khai cho dùng mười môn hay không?

1. Không được vào trụ xứ của tăng khác.
2. Đối với người chết, pháp phân chia khác nhau.
3. Cùng sống chung nhưng tài vật không giống nhau.
4. Giao lại tài vật cho người nào là không đúng.
5. Mắc nợ mà không trả.
6. Xác định vật nặng hay nhẹ.
7. Đầy đủ phước đức thì được thưởng công.
8. Phân chia tài vật theo thời tiết.
9. Chành đáng thì thêm phần pháp.
10. Tập minh thọ vật.

Ý chế định ra pháp môn đầu: Vì năm chúng mất đều nhập vào Tăng. Khi còn sống thì nương vào Tam bảo xuất gia mà tài vật không đưa vào Phật pháp. Vì người xuất gia đều phải vâng theo pháp xuất yếu, hòa lạc. Tất cả những hành động, việc làm của thân đều thuộc về Tăng pháp. Cho nên người cúng dường Phật pháp thì Tỳ-kheo không có phần. Nếu cúng dường cho Tăng thì y cứ vào giai vị mà được thọ nhận cũng không thuộc về người thế tục, vì không phải ruộng phước.

Luật Tăng-kỳ chép: Ngài A-Nhã-Kiều-trần như ở trong chốn không lâm nhập niết-bàn, những đứa trẻ chăn bò đem y áo, tài vật cho vua, vua liền đánh giá phẩm vật đáng năm tiền. Y cứ vào Pháp, quyết định trả lại cho Sa-môn, cho đến Phật nói thuộc về Tăng.

Luật Thập Tụng chép: Bạt-nan-đà qua đời, y áo phẩm vật trị giá đúng bốn mươi vạn lượng vàng, quốc vương dòng Sát-lợi và những người thân trong làng ai ai cũng muốn thu lấy.

Phật bảo: vua không được ban tặng cho các quan, Tỳ-kheo, cho đến những người thân trong làng hội hợp lại cũng không được kêu la. Tài sản của tặng, theo pháp phải chia đồng, người thế tục không có phần, đây thuộc về vật của tặng.

2. Pháp nhân chia tài sản của người chết thì không giống nhau,
được chia thành nười loại:

1. Lấy y phần tảo. Như luật Ngũ phần nói y người chết nổi trôi trong nước, nước trôi, gió thổi, y của người treo trên cành cây người thấy thì lấy nó.

2. Đưa vào chúng chia cho tăng hiện tiền. Như luật Thập Tụng chép: Học Hối sa-di-chết, Tỳ-kheo bị tấn chết, Tỳ-kheo giữ giới chết thì theo sự luôn phiên liền lấy.

3. Nhập đồng kiến Tăng: Như Luật Tứ Phần chia ra hai bộ tàᄂ chánh, mỗi mỗi đều chấp đúng sai. Người ấy ở trong đạo chết, cho đến người ở đây chết, ai cũng đều thấy thì tự phân chia.

4. Nhập vào công năng Tăng: luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo bị cử chết, y phục tài vật của người ấy nên cử tăng đồng Yết-ma rồi đưa vào công đức tăng.

5. Nhập vào hai bộ tăng: luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo ở riêng một nơi qua đời, giữa hai giới Tát-bà-đa qua đời. Luật Tứ Phần nói: không chết ở trụ xứ mà chết ở nhà người tại gia trong năm chúng, người nào đến trước thì được.

6. Nhập vào mặt hướng về chỗ tăng:

Nhiều lời bàn luận trong hai giới, Tỳ-kheo mặt hướng về chỗ tăng thì nên lấy.

7. Nhập vào Hòa-thượng: trong luật Tăng-kỳ nói, Sa-di qua đời hết thì y phục và tài sản đưa vào chùa của thầy Hòa-thượng. Nghĩa là khiến cho Hòa-thượng phân biệt tài thể đem tài vật của thầy tự nhập vào, còn tài vật của Sa-di đưa vào trong tăng (luật Thập Tụng phán quyết giống như Tỳ-kheo. Luật Ngũ Phần cũng như vậy. Bất luận có giữ luật, có giữ giới hay không đều quyết định đưa vào Tăng, y theo pháp mà phân chia để mọi người đều đồng lợi dưỡng).

8. Đưa vào chỗ bạch y thân gồm:

Luận Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo bị diệt tấn qua đời, giao y bát cho những người có duyên còn sống (ví sống không đồng tài pháp).

9. Tùy ở chỗ mà được:

Luật Thập Tụng chép: có một Tỳ-kheo gởi y cho A-nan. Ba chỗ tranh nhau, nghĩa là chỗ gởi vật của người, người nhận gởi.

Phật dạy: Thuộc về tăng của A-nan, hiện tiền tăng trong nội giới cũng có phần. Vì người gởi chữ không phải chỗ gởi (y theo đây chỗ gởi không phải là người gởi thì chỗ tài vật tăng được nhận. Chín loại trên đây là phân chia thẳng theo tăng hiện tiền.

Thứ mười là Nhất Hòa thanh chúng tử: mới đưa vào Yết-mam ba là cùng sống chung nhưng tài của bố không giống nhau. Nếu bốn ý của thầy phải cho tệt tử cơm áo, y phục, không cùng sống chung. Nếu đã cho thì được giữ, còn nhưng thứ chưa cho thì sau khi thầy mất, tất cả tài của đều nhập vào tăng. Thực chẳng đồng sinh hoạt, giả như lấy tài vật của chúng tăng, phạm tội nặng. Nếu hợp với thầy Bốn Sư thì tất cả tài vật đều quyết tâm đồng phân chia giống như ý muốn của trẻ con, không hề có phân cách. Đây nếu giúp cho người chết thì suốt đời đem bao nhiêu vật dụng tùy thân của người ấy, tất cả đều nhập vào tăng. nếu thầy trò cúng phôi hợp, tài của cùng có thì mỗi người đều có phần riêng. Còn có người ở một nơi sông riêng lẻ rồi trở về đạo thì được phân nửa, đây gọi là cùng sinh hoạt. Nếu phân chia các tài vật ấy thì y cứ theo tục mà chế đạo.

Đã mặc y phục, đã dùng vật dụng, mỗi thứ đều thuộc về vật tùy thân, đồng thời chưa cần phân chia. Còn những tài vật dư khác thì y cứ vào phương thức chia một nửa, nếu không cùng sinh hoạt lại chẳng chung tài sản mà nói dối để nhận phần thì người chia và người nhận cả hai đều phạm tội trọng, nhẹ thì phạm tội đầu-lan-giá.

Trong kinh Thiện Sinh cũng có hai đoạn, đều y cứ vào vật nhẹ. Bốn là gởi gắm đúng sai, chia làm bốn câu:

1. Gởi gắm thiện ác.
2. Người vật khác nhau.
3. Trùng đơn gởi gắm.
4. Tướng có thành không.

Trong phần đầu có bốn:

1. Gởi gắm điều lành tự biết xưa nay chứa nhóm phi pháp, chỉ kết những điều bất thiện. Nếu hôm nay qua đời thì chẳng đem theo vật gì, chỉ bằng phá chấp xả tham, thuận bốn sơ thọ, lại quyết thệ nguyện: giao phó tài của cho người sinh vào nơi phước đức cao, nên thuộc về thiện.

2. Bất thiện: sợ tài của này sau khi mình chết đi chúng tăng sẽ hưởng, theo thói tham lam, keo kiệt của người thế tục đối trao cho người tại gia. Gọi là lời nói thẳng thiện, lời dạn dò này phi thiện (chẳng phải thiện).

3. Bất chúc thiện: Nếu lúc bệnh nặng, tuy vẫn còn ở trong đạo

xuất thế nhưng thân thế này trống rỗng, chẳng phải vô lậu, nên ở đây than tiếc. Thượng biết của cải dả tạo vốn chẳng phải chân thật. Cho dù có khuyển rắn dằn dò thì lại thường tăng thêm ái nhiễm. Nhưng nói về con đường nghiệp, phước thì tài của này Phật đã dứt bỏ, như thế mà qua đời. Công dằn dò cũng tốt.

Bất chúc bất thiện: nghĩa là tâm trước muốn xả bỏ nhưng sau lại tham lam che giấu lần lượt chuyển cho người xấu, không thể tự quyết, liền xả bỏ thân mạng, đây là bất thiện. Trong Ngũ Bách Vấn, Tỳ-kheo yêu thích bát đồng và tham lam y phục. Như vậy, nếu nói theo tướng thì mỗi thứ đều khác nhau:

1. *Người vật đều hiện*: dằn dò, trao cho tôi tớ. Ruộng dẫy, nhà cửa, xe cộ, trâu bò, vườn tược và những vật nặng vật nhẹ không thể chuyển dời được (như thảm trải vải gấm) gọi là dằn dò.

2. *Có thể trao cho người nào đó*: Như gấm lụa, y phục và những vật quý báu thì trao lại.

3. *Người và vật cùng hiện, hoặc cùng hiện tiền*: thì dằn dò nhưng không trao cho. Vì người ở nước khác, vật ở nơi khác, v.v...

4. *Không dằn dò*: Tin theo phương pháp của tăng đã nói ở trước. Dằn dò ba lần rồi mới trao cho người.

Luật Tăng-kỳ chép: dằn dò cho nhiều người trong chúng thì người sau cùng được. Trao cho nhiều người trong chúng thì người ở trước được. Y cứ theo đây quyết phạm. Như quyết tâm cho người, tự mình nói trước ra, hoặc phân trần với người khác nhưng cuối cùng lại thiếu sót. Lý thì tài của của người khác, nhưng vì không giao phó cho người hoặc chuyển cho vật bố thí khác thì người chủ tài vật phạm tội trọng (vì quyết tâm cho người thì vật đó thuộc người khác quyết định. Sau trái với bốn ý chuyển đến cho người khác là làm thương tổn người, phạm tội nặng. Người sau nhận vật bố thí này là nhận được từ tay kẻ giặc, vì vật khai cho lấy dùng.)

Kinh thiện Sinh chép: trước hứa cho người một cái y, sau đó Đại đức khác đến nên chuyển cúng y đó cho người thì phạm tội thâu-lan-giá. Nếu đã bàn luận kỹ càng quyết tâm xả bỏ rồi thì không phạm.

Bốn là thành bất tương: Hễ dằn dò giao phó chính là tâm tương ưng với việc xả bỏ tài của, quyết định sinh vào phước đức trang nghiêm, tâm vững chắc không thay đổi, hối tiếc thì chẳng được thành tựu. Nếu nói: Vật này sau khi tôi chết hãy dùng làm mộ cho tôi, mua quan tài, khắc văn bia mà tạc tượng, viết kinh, cúng dường Tăng thì đều không thành tựu. Vì lúc chưa chết chủ tài vật quyết định không phân chia, sau

khi chết đổi chủ để phân xử, quyết đoán không căn cứ theo phương pháp trước.

Nếu phạm pháp vua, biết chắc chắn ngày mai mình sẽ chết nên nội trong ngày hôm nay tùy lúc phân chia, tất cả đều thành tựu vì trước lúc chưa biết chủ quyết tâm phân chia tài của nên thành tựu.

Nếu đem tài vật bảo người tạo tượng, cúng dường chúng tăng khiến chính mắt tôi thấy nhân đó liền qua đời đều thành tựu, vì giống phù mạng ở trước, nên các luật có dạy rõ.

Luật Từ Phần chép: nếu lúc qua đời giao phó tài lộc cho Phật, pháp, Tăng, nói: nếu khi tôi chết, tất cả tài vật nay giao cho các ông. Phật dạy: Tất cả đều thuộc về tăng, vì tăng không quyết định.

Luật Thập Tụng cũng rất giống ở đây, chỉ có ba y sáu vật không nên tự phân xử.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu chưa giao phó tài vật hoặc đã giao phó rồi nhưng chưa tác tịnh còn để bên cạnh người bệnh đều không thành. Nếu đã tác tịnh [114] mà đặt một bên người bệnh thì được. Nếu nói: “tôi chết, sẽ cho các ông tài vật”, nếu lúc hết bệnh mà không xả bỏ thì đều không thành.

Luật Ngũ Phần chép: nếu lúc sống đã hứa cho người mà người chưa mang đi, tăng nên bạch nhị Yết-ma để trao cho.

5. Người mắc nợ không trả.

Trước nên phân biệt nghĩa. Nếu một người ở trong Phật pháp mắc nợ tài vật với người đã chết hoặc người đã chết mắc nợ tài vật với người khác, ở trong Phật pháp bao gồm cả vật nặng nhẹ. Nếu có thì trả lại cho người, còn không có thì hẹn ngày trả. Nên y cứ vào tài vật đã mượn mà thu tất cả, nếu nặng thì đưa vào thường trụ, nhẹ thì nhập vào hiện tiền tăng.

Nếu trước mượn vật nhẹ (thường), nay tìm được vật nặng (giá trị) thì lúc trả nên bán vật giá trị vì nhận vật nhẹ (thường) rồi y cứ theo pháp để phân chia.

Nếu tài vật đã mượn vốn là vật nặng (giá trị) mà lúc trả lại trả vật nhẹ (thường) thì nên đưa vào thường trụ tăng, không giống với pháp cộng Tăng.

Nếu thường trụ tăng mượn người chết vật nặng (giá trị) thì không cần trả lại (vì trả lại cũng đưa vào thường trụ tăng).

Nếu mắc nợ vật nhẹ (thường), lúc tìm lại nên đưa vào hiện tiền Tăng, nếu được vật nặng (giá trị) thì trả lại, y cứ theo trước nên đổi lấy vật nhẹ (thường) để phân chia

Nếu hoàn toàn không thể được thì thôi.

Luật Thập Tụng chép: Nếu Tỳ-kheo lúc sinh tiền mượn tài vật của Tam Bảo thì nên trả lại. Nếu Tam bảo bán tài vật của Tỳ-kheo thì nên đòi lấy đưa vào hiện tiền tăng (do biết nên đòi hết, y cứ theo giới thứ tư mà đoán định) dẫn đến hiện tiền khách bốn phương và cựu Tỳ-kheo v.v... cũng giống như trên.

Nếu mua chịu rượu, chưa trả liền, chết lấy y bát trả lại. Nếu không có vật gì thì lấy vật trong tăng bồi thường vì sợ đồn đến tai những Tỳ-kheo xấu ác (hư hỏng). (cũng không phân biệt Thường trụ tăng hay hiện tiền Tăng, tùy lúc tùy duyên).

Nếu trước cho người y quý báu lúc chết đòi lại nhưng y của người kia ít giá trị hơn, nếu chết trả lại y cũ, nếu không có vật gì thì bán y bát để trả lại.

Còn mắc nợ mà đi ở chỗ khác có năm câu:

1. Y bát gửi ở chỗ, chết một chỗ thì vật theo chỗ gửi, tăng được hưởng.

2. Chỗ mắc nợ, chỗ chết thì tăng ở chỗ người ấy mắc nợ mà được.

3. Nơi chết, nơi để đồ vật, nơi giữ gìn thì tài vật tăng được phần.

4. Nơi chết, nơi giữ đồ vật, nơi giữ tiền. Tài vật nơi giữ đồ vật tăng được.

5. Nơi chết, nơi giữ tiền, nơi giữ sổ sách hợp đồng, nơi giữ sổ sách hợp đồng tăng được. Văn trong đây không rõ ràng. Nếu để đồ vật ở nhà thế tục mà đòi chưa được thì có thể y theo sổ sách hợp đồng để thu lấy.

Nếu tài vật ở bên tăng thì sau khi chết, tài vật ở chỗ nào tăng cũng đều được. Cuối cùng không được dùng sổ sách hợp đồng vì thâm nhiếp tăng vật của giới khác. Như trong câu đầu đã quyết đoán, vì tài vật của đây kia là của tăng. Nếu nói về vật nặng, nhẹ cũng không lấy được. Vì không cho pháp dời đồ vật, vì tăng này đến vị tăng kia, trừ có Yết-ma.

Nếu mượn tài vật ở trong nhà thế tục thì cũng giống như không có trú xứ, trong năm chúng ai đến trước thì được. Vật nặng (quý giá) tùy theo người thấy đem về chùa. Nếu nhiều người biết được tranh cãi với nhau, không ai giải quyết đoán thì y theo năm câu trong luật để giải quyết. Trong luật Thập Tụng hoặc giống như hai nơi gửi của người trước mà giải quyết.

Kính Tỳ-ni Mẩu chép: Sinh thời có để vật ở bên ngoài thì sai người đem vào trong chùa.

Luật Tăng Kỳ chép: tịnh nhân tìm được lấy nó đem vào làm vật thường trụ tăng của chùa này.

Ngũ Bách Vấn chép: “Tỳ-kheo mượn vật của người, người ấy qua đời thì phải bạch tăng mới được lấy vật đó, không bạch mà lấy là đắc tội. Nếu tăng không cho mà cưỡng lấy, hoặc tăng biết mà không trả cả hai đều phạm tội.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu người đòi nợ thì phải xét: nếu họ là người trì giới đáng tin cậy thì nên trả, còn không đáng tin cậy thì không nên trả. Nếu tin người chứng minh thì nên trả, còn không tin người chứng minh thì không nên trả.

6. Quyết định nặng nhẹ.

Vật của người đã chết này trong các bộ luật chưa rõ ràng, tùy theo tình cảnh nên khó tin, lý cũng phải theo bản thể đã nhận thọ giới luật nào thì lấy luật đó để quyết định nặng hay nhẹ. Nếu người chết hoặc người nuôi bệnh chưa biết thì chỗ ở riêng, thực hành theo bộ luật nào thì lấy bộ luật đó để xử đoán đúng sai. Không được dùng tâm vẫn đục của mình đối vui mừng đoạt lấy. Nên thực hành theo luật Tứ Phần mà thọ nhận, nhà chùa đang thi hành việc đó theo long tham muốn nhiều lần phán quyết là vật nhẹ (thường) nên đưa vào tăng, lại y cứ theo luật Thập Tụng. Đây vì lòng tham mà phạm, chẳng phải do sự giáo dưỡng là tội. Nay quyết đoán cái hại trước để vui với địa vị chung, nhưng tùy theo sáu thứ trì luật khác nhau. Như đã nêu trong bài tựa, và bài luận về việc phụ.

Ba giai đoạn quyết định:

1/ Chỉ dùng một bộ luật Tứ Phần, có thì y cứ theo văn mà dùng, không có thì lấy ngoài tông phái. Cho nên ba mươi chương trong luật đều phán quyết tất cả mọi vật, chỉ có phân biệt nặng hay nhẹ. Nếu người phán quyết: tất cả y bát, y tốt, vật đựng, ống đựng kim chỉ, đồ đựng câu-dạ-la, phẩm trái nên đúng lượng, dao cạo tóc và các đồ vật, v.v... đều nhập vào vật nhẹ (thường) còn tất cả những đồ vật khác không kể tên trong đây đều xếp vào vật nặng (quý trọng).

Nếu có y phục của đạo tục thì cũng xếp vào vật nhẹ, y cứ theo lượng cù-lâu, quá thì xếp vào vật nặng. Đây một nhà, cũng không cho hai, không thể cưỡng đoạt.

2/ Trước chuyển theo luật Tứ Phần, các bộ loại phân nghĩa quyết định có hay không, chia ra nặng nhẹ. Đầu tiên lược chia làm ba:

1. Phật đã ngăn cất giữ: như sáu vật tu đạo cần thiết xưa nay vẫn xếp vào vật nhẹ.

2. Ngăn không cho phép cất chứa: như ruộng vườn, tôi tớ, cất giữ vật báu, vàng giả, lúa đậu, thuyền xe, chướng đạo ở giai đoạn giữa và sau cũng không cho tự quản, phán quyết xếp vào vật nặng (hai phán quyết này chung cho tất cả luật).

3. Phạt khai cho phép ở giai đoạn giữa, nghĩa bao gồm cả nặng, nhẹ, như y dư. Một trăm lẻ một vật, cho đến các đồ vật tùy thân điều đầy đủ. Dùng tài vật là ngăn ngừa sự dung chứa thêm nhiều để cứu thân hình, nuôi lớn đạo pháp. Ở đây phán quyết không giống nhau. Nay còn dựa vào bản sao, nhất ý chia làm ba loại:

1. Tánh trọng: như tất cả các vật đồng, sắt, cây, đá, bồn, bình, chỏ, vạc, xe, đồ vật vì thể là vật nặng, không đem theo được nên quyết định xếp vào vật nặng.

2. Tánh khinh: một trăm lẻ một vật có thể đem theo bên mình như vải vóc, lụa là bất luận là bao nhiêu điều quyết định xếp vào vật nhẹ.

3. Từ vật dụng khinh trọng; có người sợ việc nặng mà dùng vật nhẹ, như hộp dao cạo tóc, bồn đá y, đồ vật cất chứa và ống đựng kim chỉ, chén đồng, muống, đũa, xe cộ và tất cả vật dùng điều xếp vào vật nhẹ. Hoặc việc nhẹ dùng nặng, như màn lớn nhỏ, những vật gây chướng ngại cho việc đi lại, quạt, mền mùng, giường tòa, y phục của người thế tục. Tất cả điều gây chướng ngại nên xếp vào vật nặng để quyết đoán. Nhưng vì lời dạy đầy đủ rộng khắp nên lời văn phải rõ ràng bại chia làm bảy tụ loại. Sau hẳn có việc thì y cứ vào môn để tự phán quyết (chính xác dùng trong Luật Thập Tụng những mâu sắc của ngói, cây thì theo việc phân chia vật dụng, nay việc phụ cũng nói rõ).

Luật Thập Tụng chép: Người bệnh chết, người nuôi bệnh lấy y và vật dụng của họ nên giặt rửa cho sạch, phơi khô rồi chia ra cuốn hoặc gấp lại từ từ đem vào trong chúng.

Kinh Ty-ni Mẫu nói: Lấy y phục và đồ vật ở trước tăng rồi bảo một người phân xử, vật có thể phân chia, vật không thể phân chia, mỗi mỗi đều phân biệt ở một nơi. Như vậy thì sao gọi là vật nặng? Vì vật nặng thì tướng khác đầy đủ rõ ràng. Như kia nói: sợi lông tơ tầm thứ nhất được làm.

Luật Tứ Phần chép: nệm ngói, chăn mền đều đưa vào vật nặng đồng thời nói là trong ngoài có vải lụa trải lên, thảm trải sàn nhà dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, lông nhung dài ba lóng tay đưa vào vật nhẹ. Ở nước có tuyết phương tiện khai. Thảm trai nệm có hình dáng giống ca-sa đều điệp đầy đủ trong ngoài cành lá hoa nhẵn đến da cũng làm như vậy, cho nên khai cho lấy ra làm toạ cụ. Đây là ba y, nền là vật

nặng, không thể xếp vào đây, vì trong luật Tăng-kỳ Tăng-già-lê có dư một tấm chăn nên y cứ theo đây để phân lượng. Chăn và chăn đơn xếp vào vật nặng. Những cái mềm mỏng nhẹ, chất thành nhiều lớp có thể chia ra xếp vào vật nhẹ. Thảm trải nền, vải lụa nhiều màu v.v... thì phân biệt rõ ràng xếp vào vật nặng (giá trị), luật dạy phải làm cho nó thành màu hoại sắc rồi mới mặc, giống như màu của ba y. Lụa là nhập vào vật nhẹ, luật khai xếp nhận cài y rất giá trị của nhà vua và nhiều y tốt đẹp của thí chủ. Trong văn không rõ ràng bao gồm luôn cả vật quý giá. Còn những y phục khác xếp vào vật nhẹ. Văn dưới cho phép mặc y giá trị.

Luật Tăng-kỳ chép: Áo che ghế, áo che mưa, túi lượt nước hai loại dây nịch. Lưng, ngọa cụ xếp vào phần nhẹ.

Luật Ngũ Phần nói kiếp cụ, đơn phu, sấm thân y, túi đựng kim chỉ, túi đựng dệp guốc xếp vào vật nhẹ. Y cứ theo đây, mền đơn tuy là mềm nhưng giống như sấm nhân đơn phu không khác. Có thể xếp vào loại nhẹ gấm vóc, lông mịn như mũ dạ, áo mặc che muối, v.v... đều xếp vào vật nặng, theo Luật Tứ Phần giảm lượng đưa vào vật nhẹ, hẳn y vào lượng dày cứng mà xếp vào vật nặng không thể phân tích để mặc. Không giống như pháp phục ca-sa dài mà nhẹ có thể mặc. Pháp tăng giống như gấm lụa năm màu.

Tuy là cái chăn nhỏ nhưng thuộc về giường ghế theo tướng xếp vào vật nặng y có năm màu chính xếp vào vật nhẹ. Trong luật nói y màu sắc tươi sáng, y màu gấm đẹp cho phép nhuộm thành màu ca-sa cất giữ. Nếu là lụa đỏ thì nên xếp vào vật nặng, lụa vàng, trắng không nên xếp vào vật nhẹ. Phật chế không được mặc màu trắng, xếp vải vào vật nhẹ ví dụ: màu vàng, màu xanh, v.v... cũng phải phân biệt, thảm trải đất, Phật giới đúng kích thước xếp vào vật nhẹ. Hỏi màu sắc gì, phân biệt, xếp vào vật nặng?

Đáp: Người kia rời tấm vải lụa nhiều màu, bên ngoài giống với ba y, vì điều điệp điều đầy đủ cho nên xếp vào vật nhẹ.

Nếu y cứ theo văn trong Luật Ngũ Phần thì phải thuần một màu, nếu y theo vật thì chẳng phải vật nặng. Chỉ tơ, sợi tơ bất luận là bao nhiêu, y theo nghĩa trong luật, xếp vào trong luật thì bao gồm cả cỏ cây, rơm, rạ, liền xếp vào màu sắc đôi (trùng sắc). Túi đựng y (trước đến rốn, sau đến ngang lưng) y theo Luật Ngũ Phần xếp vào vật nhẹ. Dây túi, dải túi, cài bọc ngoài của túi v.v..., túi, xếp vào vật nặng. Tất cả các loại áo choàng, áo ngắn của người thế tục đã hoại sắc phai màu, rách cũ, xếp vào vật nhẹ. Vì y phục của người thế tục màu trắng, người sử dụng y phục xếp vào vật nặng. Những đôi hài may chỉ nhiều màu và những

y phục của nam nữ khác vá vuông vắn, khăn túi v.v... đều xếp vào vật nặng. Lụa là, túi đựng bình bát thì theo bát mà xếp vào vật nặng. Các vật thứ hai: Ngói, đá, sắt, cây, trúc được làm; Luật Tứ Phần nói bình đồng, bô đồng, giường dây, giường cây, bình nước, bồn chứa nước tắm, gậy sắt, quạt búa, đèn, đài, xe cộ và năm loại làm đồ dùng bằng sắt, da, trúc, đất nung, cây gỗ xếp vào vật nặng. Năm loại làm khí cụ này đều gọi là vật cụ có thể làm, cho nên luật dạy: Lấy cây làm đồ dùng bữa bãi không để vào đúng chỗ nên Phật cho làm túi da để đựng, chẳng gọi là đồ vật được tạo ra (thì có cả nặng nhẹ, Phật không phân quyết), da cạo tóc xếp vào vật nhẹ, tiền bạc, vật báu xếp vào vật nặng.

Văn dưới nói lượm được tiền ở trong mộ mà thân thể đã hoại thì dùng làm đồng.

Luật Thập Tụng chép: quạt cho khô mồ hôi, xỏ vào đầu móc câu, trần trủy, bát chi và bát tiểu, bát bán, bát kiện diện, tiểu kiện diên, kiếm, nhiếp, dao xẻ dưa, dao cắt rọc y, biển cửa, khác hộ, câu v.v... xếp vào vật nhẹ. Nếu răng sừng dùng làm đồ vật đựng nước sạch thì như vật nhỏ trước xếp vào vật nhẹ, còn những vật quá nửa đấu trở lên xếp vào vật nặng (nửa đấu, Cơ Châu sử dụng đấu) tất cả đều nhuộm màu. Nếu nấu hoặc chưa nấu không nên chia.

Luật Tăng-kỳ nói: tiền, vàng, bạc, châu báu, lưu ly, kha cụ, san hô, phả-ly (pha-lê) xa cừ, mã não, ngọc, đá xếp vào vật nặng. Ngựa cụ, giường nằm, giường ngồi, bàn gỗ, bình gỗ, bồn gỗ, giỏ trúc sọt tre cũng vậy. Bát trắng, ngói nung, sắt v.v... quá lượng xếp vào vật nặng. Y cứ theo đây bát tốt quá lượng cũng xếp vào vật nặng Phật chế; không được dùng Luật Thiện Kiến nói: Kim chỉ nên phân chia. Nhập Lăng-già nói: Vì cắt rọc ca-sa nên cho phép giữ dao bốn tấc, đầu cong như lưỡi hái, v.v... nếu sử dụng quản lý nó suốt đời thì xếp vào vật nặng. Tủ, hòm bình, vật chắn gió và những chìa khoá xếp vào vật nặng. Vì ngăn sự lớn lên. Móc cửa y theo luật xếp vào vật nhẹ cũng tuỷ theo cái mà xếp vào vật nặng.

Luật Tứ Phần chép: Đồ vật bằng câu-da-la thì nên đúng lượng, chén bát thì giảm lượng. Luật Thập Tụng xếp những thứ này vào vật nhẹ. Nếu là vải gai khổ hẹp, bát đồng, v.v... cũng nên phân biệt xếp vào vật nặng. Cúng dường lò hương nhẹ có thể đem theo bên mình, đưa vào vật nhẹ là y theo Luật Thập Tụng, ở trên có đồ trang sức quý báu xếp vào vật nhẹ. Vì trong giới nắm cầm vật báu có chế. Nếu trọng đại thì xếp vào vật nặng. Căn bản vì Phật pháp mà làm không tự thâu nhiếp, tùy theo bốn xứ an trí, không được truy tìm đoạt lấy. Nếu tùy duyên đối

bán thì không xác định, phân chia như trên những vật thuộc về giá kinh, bàn hương, hòm kinh nhẹ có thể đem theo bên mình thì giống như trên xếp vào vật nhẹ. Mỗi mỗi đều có phân biệt, thuộc loại nào cũng tùy theo bốn vị. Những vật như giường Phật, khăn lau kinh cũng tùy theo bốn xứ xếp vào Phật Pháp. Cái không xác định xếp vào vật nặng, đếm số hạt châu xếp vào vật nặng (loại khác).

Thứ ba: ruộng vườn, nhà cửa, đất đai, v.v... Luật Tứ Phần chép: già-lam và những phòng riêng, cây quả thuộc về già-lam, phòng ốc đồ vật thuộc loại khác. Nếu bỏ vailua sống để xây phòng riêng cho mình, nế đã đổi được vật nặng thì xếp vào vật nặng. Lúc chết vì là vật nhẹ nên cho phép phân chia. Nếu xả vật nặng nhẹ xếp vào Phật Pháp, không truy tìm lấy, vì Phật Pháp có chủ khác rồi trở lại theo chỗ người chết má phân chia. Nếu xác định là phòng xá đẹp đẽ như bức màn ngăn che dính bụi thì thuộc về phòng ốc, đồ vật.

Nếu ngay bốn xứ ba thời chia phòng, không phân định khách, chủ thì y cứ vào bốn xứ sắp xếp. Nếu cái không đúng pháp mà tăng trích lấy đưa vào làm vật dùng của thường trụ.

Luật Thập Tụng chép: Đất đỏ nhuộm màu nên xếp vào vật nặng, theo đây, đất sét trắng, vàng lợt thì cũng giống như vậy.

Thứ lớp da thú v.v... Luật Tứ Phần chép: áo da, áo cỏ cây v.v... tất cả đều không được mặc thì xếp vào vật nặng.

Luật Thập Tụng chép: đồ vật bằng da, túi đựng dầu nhân nữa trở xuống, giày da, ủng da, hàm lọc da, da thuộc, da lột chân v.v... thì nên chia, ngoài những thứ đó ra nên xếp vào vật nặng, ủng bằng, ủng xiên xếp vào vật nặng, vì áo mặc của kẻ phi đạo. Những vật khác nên xếp vào vật nhẹ.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Kinh luật trước có phó chúc phân xử là: giao phó cho người kia. Nếu không phó chúc thì tùy theo người mà thọ mà giao cho họ. Không nên phân chia, bán chác tục thư, xếp vào vật nặng. Giấy bút, mực v.v... y theo luật, đưa vào vật nhẹ. Vì cam giữ đạo pháp.

Đậu thạnh tháo chỉ là vật dùng nên y theo Luật Thập Tụng quyết đoán, .

Về năm thứ vật nuôi, Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Lạc đà, lừa, ngựa v.v... cho ở trong chùa, tăng thường trụ. Nếu thuộc về bốn, bình, phòng ốc, trai đường, hoa quả, vườn tược của chùa nhỏ đủ cho chùa sinh sống, hiện tiền tăng này không nên phân chia. Vì thuộc về bốn phương Tăng.

Vì sao gọi là đủ để cho chùa sinh sống? Vì người giữ những vật cần

dùng, không đủ để sinh sống thì không phải người giữ vật cần dùng.

6. Nhân dân, tội tở: Luật Tứ Phần chép: Người trong Tăng-già lam nên xếp vào vật nặng có ít vật riêng, bất luận nặng nhẹ, đều lấy làm của riêng. Nếu Tăng hay tội tở chết, y phục vật dùng đem cho người thân thì thường trụ Tăng dùng. Tội tở riêng chết nghĩa có hai: Nếu cùng y phục ăn uống và tài vật của tự lấy cho mình thì tùy theo việc dùng mà phân chia. Nếu không sinh hoạt chung thì chủ thu lấy. Người cho y phục, thức ăn chết thì tài vật thuộc về người thân của họ. Nếu không có người thân mà trong nội viện tăng không có chủ trì vật đưa vào thường trụ (thuộc về người thân là y theo vị Tỳ-kheo diệt tận, nếu chết, y phục, đồ vật thuộc về người thân, còn nếu tăng cung cấp thì khác).

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Nếu có tội tở thì nên giải phóng cho về. Nếu không giải phóng thì làm tịnh nhân Tăng-kỳ (theo đây mà giải phóng, gọi là ban cho họ tốt, rất ráo y theo luật).

7. Tứ dược: bất luận là lúa đậu sống hay chín, cơm, tương, nước thuốc, viên thuốc cao v.v... đều đưa vào vật nặng (giá trị). Tuy có tàn ác xúc nhưng cũng không mất. Rõ ràng, luật Tát-bà-đa nói: Vì lúc chết tâm rất thanh tịnh cho nên không tiếp xúc, tranh cãi với việc luân bán xửa.

Thập Tụng, Già luận chép: Nếu trong tăng thỉnh thọ thực mà người đó đã qua đời thì giống như pháp phân chia y phục(khiên cho chỗ hiện tiền xếp vào vật nặng, trước đã qua đời, sau được thức ăn.

Trở về bốn xứ nhận y phục của người khác cho cũng vậy. Văn nói không hết, việc cũng không thể bỏ bớt, đủ như trong việc phân chia vật nặng, nhẹ, cũng cần biết loại để giải bày rành mạch. Ba điều thông dụng luật giấu, bỏ lập chánh văn là việc quan trọng. Không gả nương vào dụng của luật Tứ Phần để quyết định. Như đồ dùng dẫn nước tắm gậy sắt, quạt, kim chỉ và các con dao, luật còn phân biệt những vật khác xếp vào vật nhẹ thì cũng là loại đồ dùng. Văn nghĩa rộng rãi, bao gồm như quyển thuật khác còn y cứ vào đệ nhị tức là quy cảnh.

Đủ bảy đức thưởng công. Luật Tứ Phần chép: có hai mươi lăm đức, năm đức đầu tiên nói người bệnh rất lấy làm hổ thẹn nhưng cũng bày tỏ với người nuôi bệnh là có phước đức.

1. Vật không nên ăn mà muốn ăn, không chịu uống thuốc.
2. Người nuôi bệnh có tam tốt nhưng không bằng lời nói thật.
3. Nên làm hay không nên làm, nên ở hay không ở.
4. Thân đau nhức không thể chịu nổi.
5. Ít có khả năng chịu đựng, không làm mà lại ép người khác

làm.

Lại không thể tranh ngôi, chỉ để trong lòng. Kế là nói năm đức của người nuôi bệnh, có đầy đủ phẩm hạnh.

1. Biết vật người bệnh ăn được hay không ăn được, nếu ăn được thì nên cho.

2. Chẳng gớm đồ đại tiểu tiện ói mửa của người bệnh.

3. Có lòng thương xót, không vì cơm ăn áo mặc.

4. Có thể chữa trị bằng thuốc thang cho đến chết.

5. Thường nói pháp cho người bệnh nghe, làm cho họ vui vẻ, đối với pháp lành thiện lớn lợi ích. Có năm pháp này nên cho người bệnh y phục đồ vật, nếu trẻ nhỏ nuôi bệnh, Phật nói là không được.

Luật Ngũ Phần chép: nếu nhiều người nuôi bệnh thì nên cho người nuôi cuối cùng.

Luật Tăng-kỳ nói có bốn hạng:

1. Tạm làm

2. Tăng sai nuôi bệnh

3. Tự thích phước đức

4. Tà mạng mà làm, đều không được. Nếu người nuôi bệnh phạm pháp luật của nhà vua mà chết cũng không được ban thưởng. Nếu muốn người bệnh được lợi ích, muốn cho họ mau lành bệnh thì đốt một ngọn đèn, săn sóc đến cùng thì được đồ vật này (ngoài ra giống như trong pháp nuôi bệnh).

Kế là nói rõ đồ vật để cho. Trong luật bất luận là đức bậc thượng hay bậc hạ vẫn cho nhận, giữ y phục, đồ vật. Nếu không biết người nhận lãnh, giữ gìn thì nên ưu tiên cho người nuôi bệnh hết lòng, cho họ ba y tốt, người nuôi bệnh bậc trung, bậc hạ thì cho y loại vừa và loại thường.

Luật Thập Tụng chép: trước hỏi thợ trị y bát nào, mỗi thứ phải hỏi kỹ.

Luận Tát-bà-đa chép: ba y may nhiều lớp nếu không dùng kim khâu lại thì không đem đến cho người nuôi bệnh. Nếu trước đã khâu rồi thì có duyên thợ trị, người chủ y chết cũng phải nên thưởng cho họ.

Luật Tứ Phần nói sáu vật:

Ba y, túi đựng y, túi đựng bình bát, túi đựng toạ cụ, ống đựng kim chỉ, nghĩa y cứ theo đức, đủ sáu vật không đủ (bốn câu). Ban đầu đức và vật đều đầy đủ, y cứ theo pháp mà ban bố cho. Nếu đức đầy đủ mà vật (dung cụ) không đầy đủ, cho đến cả hai đều thiếu thì cùng theo sự việc mà thương lượng. Nếu đức khuyết thiếu, vật dụng đầy đủ, nếu xét

theo lý thì chẳng phải là pháp khen thưởng nhưng nếu xét theo sự thì những người dày công làm việc cực nhọc cũng nên khen thưởng cho họ, đồng thời xếp vào hiện tiền để Yết-ma, tùy theo đức (hạnh tốt) có hay không, giữ đồ vật để phân lương việc làm, và tăng xin thì nên cho, sự tình thông suốt.

Người được chọn có đến không?

Luật Ngũ Phần, Luật Thập Tụng nói có bảy chúng, chỉ có hai chúng được nuôi Tỳ-kheo bệnh là: Tỳ-kheo và Sa-di, còn lại năm chúng thì không được nuôi. Trong ni chúng ba người thì được, hơn bốn người thì không được. Tuy là cha mẹ, anh em cũng không nên cho nuôi (vì nuôi nặng cực nhọc cho khi bệnh hết thì họ không bằng lòng).

Ma-đắc-già chép: Người tại gia nuôi Tỳ-kheo bệnh thì phải cho một Sa-di theo để trông coi, ba chúng ni cũng như vậy. Sa-di phải hết lòng cùng họ trông nom.

Luật Ngũ Phần và Luật Thập Tụng chép: cho Sa-di đồng với Đại Tăng. Y cứ theo đây, nếu chúng nhiều Tỳ-kheo thì Sa-di là người nuôi bệnh cuối cùng, nên cùng với một người đã được bốn xứ phân chia.

Luật Thập Tụng chép: nếu người nuôi bệnh ra đi, xin y phục, thuốc men cho người bệnh cẩn thận đem về đưa cho người bệnh thì cũng có thể xếp vào hiện tiền xướng hoá rồi giao phó cho. Nếu an cư ở chỗ khác, người đến nuôi bệnh thì được thưởng.

Già Luạn chép: người nuôi bệnh ở ngoài giới cũng nên thưởng cho họ. Thời tiết bát phân, năm chúng nếu chết, Luật Tứ Phần nói không nên lập tức đóng cửa.

Nếu người kia có đệ tử đi chung hoặc người trì giới đáng tin thì cho móc cửa lại. Nếu không đáng tin thì nên giao cho tăng giữ móc cửa.

Vị Tri sự đã cúng dường Xá-lợi, lo liệu xong. Nếu người đệ tử trì giới đáng tin thì sai cõi y. Nếu không đáng tin, thì nên bảo vị Tri sự cõi y, sau đó tăng phân chia.

Luật Thập Tụng chép: nếu các Tỳ-kheo ở bên thây chết chia y, thây chết đứng dậy giữ gìn đồ vật, Phật khiến cho thây chết đi ra sau. Nếu tăng ở chỗ khác thì nên chia.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: chia tài vật của Tỳ-kheo trước khiêng xác chết đi chôn cất xong rồi, tăng trở về chùa đem y phục tài vật của người chết đặt ở trước tăng, sau đó chia như trên. Y cứ theo pháp nhóm họp tăng để phân chia tài sản.

Pháp chia cứu mình có hai:

- Trước gom tiền tài, y phục lại.

- Phân chia tài sản.

Đầu tiên, người nuôi bệnh đem những đồ vật nặng (giá trị) nhẹ (bình thường) của người đã chết, đồng thời nhóm tặng. Nếu không giữ gìn nổi thì đem tất cả những tài vật như giường tòa, lu, nhà cửa, phòng ốc, vườn tược trâu bò, tôi tớ đối trước tặng thừa rành mạch rõ ràng để tặng chúng biết những tài sản ấy là nhiều hay ít.

Ban đầu rành rẽ pháp lập, ba pháp Yết-ma, đối thú, tâm mê.

Trong phần đầu nếu năm người thì được làm hai pháp: thưởng công và phân chia y phục. Nếu bốn người thì dùng ngay pháp phân chia giống như sau nói rõ điều này. Pháp của tặng từ năm người trở lên (cho đến một người tâm niệm, duyên trước giống ví dụ này). Trước đã gom của cải lại rồi, sau đánh chuông nhóm tặng chúng khắp nơi về. Việc này rất giống phương thức trong tặng, không được đóng cửa, mượn cơ trời tối, giới hạn khách đến, ý ngăn cản khách tặng mười phương đến đồng thời trái với pháp chúng, trái với các duyên trên, nên tự làm cho tâm mình trong sạch.

Tặng chúng đã nhóm rồi, người nuôi bệnh kia ở chỗ đồ vật, y phục, đầy đủ nghi thức xả bỏ.

Đại đức tặng cho phép tất cả những đồ vật như y phục và chẳng phải y phục của Tỳ-kheo mổ giáp đã qua đời này, nay hiện tiền tặng ở trú xứ này nên phân chia (nói ba lần, trong luật đã nói rõ sáu vật, theo luận không cần phải nhóm họp). Vị Thượng tọa trì luật trong chúng phải phân xử giải quyết điều này.

Trước hỏi trong tặng: Ai biết người đã chết này? Lo việc Tam Bảo và tài vật của vị ấy. Lại ai biết người khác lo việc Tam Bảo và lo phân chia tài vật của người đã chết, mỗi mỗi phải xét hỏi. Nếu có người biết thì phân xử như phần trên.

Kế đến phải phân biệt rõ hai điều người đã chết nói, giao những tài vật lặt vặt cho ai và người cùng sống chung, cùng chung tài sản, để y theo trên giải quyết.

Kế là xác định tài vật thuộc loại nặng hay nhẹ rồi phân chia như trên.

Nếu vật nặng thì những người ở cùng trú xứ ghi lại tên của đồ vật. Nếu vật nhẹ thì những người ở cùng trú xứ cũng ghi lại tên của đồ vật, đồng thời hỏi người nuôi bệnh có đem những đồ vật nặng nhẹ của người chết để tống táng theo họ không? Nếu có thì tìm giúp, nhập tháp xương họa ba lần rồi trở về. Nếu không thì trước nên thưởng công cho người nuôi bệnh nhưng năm đức khó đủ.

Nếu không đủ năm đức thì không y cứ vào phương cách thưởng công. Ngày nay việc làm và sự việc đều hỏi chúng: người đó có đủ năm đức hay không? Nếu đáp là đầy đủ thì đó là tự khoe khoang công lao của mình bị người đời chê cười. Nếu không đáp là đầy đủ thì có công mà không được thưởng trái với điều Phật chế và đoạt đi công lao của người xuất phát từ trong tăng. Cho nên luật nói: Tăng được tự tại thì buộc hay không buộc đều tùy ý. Nay cũng chưa cần hỏi, trong luật không có chánh văn, nếu biết người có công chịu đắng cay thì bậc Thượng toạ nên nói:

- Trưởng lão có công nuôi bệnh, Phật cho phép ưu đãi và thưởng công, nên quỳ thẳng để được Yết-ma.

Người nuôi bệnh khiếm tốn từ chối là không có đức, nên hổ thẹn không dám nhận trọng thưởng tăng phải thuyết phục khiến cho họ nhận, sau đó hỏi dục vấn hòa.

Đáp: Yết-ma thưởng sáu vật cho người nuôi bệnh, tức là bạch nhị Yết-ma để cho người nuôi bệnh đó.

Đại Đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mổ giáp đã qua đời, tất cả tài sản, ba y, bình bát, toạ cụ, ống đựng kim chỉ, bọc đựng y, bọc đựng đồ vật (tùy theo cái mà nói) hiện tiền tăng ở đây nên phân chia nếu tăng phải thời mà đến, tăng chịu cho, nay tăng cùng với Tỳ-kheo mổ giáp nuôi bệnh, tác bạch như thế.

Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mổ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như đại y, bảy điều, toạ cụ (những vật khác cũng giống như trên) hiện tiền tăng ở đây nên phân chia, nay Tăng cùng với Tỳ-kheo mổ giáp đã nuôi bệnh, các Trưởng lão nào chịu tăng cho Tỳ-kheo mổ giáp nuôi bệnh y bảy điều, năm điều, bình bát và túi đựng y (những vật khác giống như trên) thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp đã nuôi bệnh, y bát, toạ cụ, ống đựng kim chỉ, túi đựng y, túi đựng đồ vật rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

(Thanh y tức là bọc đựng y, trữ khí tức là bọc đựng bình bát, nếu có nhiều rương, bọc khăn, túi đựng kim chỉ nên lấy đồ vật, y phục thưởng dùng để thưởng cho người nuôi bệnh, nếu ba y mỗi y đều có bọc thì ba cái bọc ấy nên cho người).

Kế là phân chia vật nhẹ.

Luật dạy bạch nhị Yết-ma sai người phân chia. Hành sự thời nay vẫn giữ việc tri sự trong tăng hoặc đến lúc chỉ sai bằng miệng chứ không bạch Yết-ma. Đây là trái với pháp, người trì luật trước phải biết

người không có đức là pháp của Sa-di, phần nhiều luận rằng ba y ở chỗ khác thì đem đến đây để thưởng, nếu đức này không đủ thì tùy theo chỗ kia phân chia (nên biết rộng sử dụng với hiện vật). Nếu ngoài ba khuỷu tay, năm khuỷu tay thì tùy theo độ dài cũng nên bạch cho tăng biết, nếu Tăng hòa hợp thì tốt.

Luật Thập Tụng chép: nếu Sa-di chết thì những y phục bên ngoài và bên trong nên cho người nuôi bệnh, còn những vật nhẹ thì Tăng nên phân chia, nên Yết-ma rằng: Sa-di mổ giáp đã chết, tất cả những y phục bên trong, bên ngoài và những đồ vật chẳng phải y phục đều giống với pháp tăng, nay người thực hành pháp bảo, vị tri sự ở trước Tăng quy thẳng bạch nhị Yết-ma để trao cho (văn trong luật ít, không đầy đủ, nay y theo phi thời tăng thí pháp).

Văn nói Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mổ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như y phục (nghĩa là có thể dùng để mặc) và chẳng phải y phục (những vật dụng như bình bát, túi đựng y và tài vật v.v...) hiện tiền tăng nên phân chia. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay cho Tỳ-kheo mổ giáp y phục, tài vật này, Tỳ-kheo mổ giáp nên trả lại cho tăng, tác bạch như thế.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mổ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như y phục và chẳng phải y phục, hiện tiền tăng này nên phân chia, nay Tăng đem cho Tỳ-kheo mổ giáp, Tỳ-kheo mổ giáp phải trả lại cho Tăng, Trưởng lão nào bằng lòng Tỳ-kheo mổ giáp đã qua đời, tất cả y phục, tài vật hiện tiền tăng nên phân chia, nay tăng giao y phục và tài vật cho Tỳ-kheo mổ giáp, Tỳ-kheo mổ giáp phải trả lại cho Tăng thì im lặng. Ai không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp y phục và tài vật này, Tỳ-kheo mổ giáp phải trả lại cho tăng, tất cả tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Tác pháp rồi thì đếm Tăng đếm số lượng y phục, tài vật rồi cùng nhau xem xét, bỏ thể để phân chia.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu có một y rất tốt mà đại chúng đều đã có y (theo luật phân chia, phá việc đó) nên theo bậc Thượng tọa phân chia việc đó, người cần thì trao ngay cho họ, nếu y phục và tài vật nhiều đồ chúng đều đã có pháp nên y theo thánh giáo mà phân chia. Đây là phi thời tăng được thí, công đức cùng khắp mười phương tăng, không cần tạo giống như thiết trai cúng dường còn sinh quả hữu lậu. Vì người xuất gia tu trí, phân biệt nghiệp không lấy phước phần làm bốn hoài mặc sức làm trái giới bốn Phật chế. Các bộ chỉ nói rõ phần dụng, trí phạm không

hơn tâm thánh, nếu không nhóm họp ở ngoại giới. Luật Tăng-kỳ chép: vì người bệnh mà tìm cầu y phục, thuốc men và xây tháp, làm Tri sự trong tăng, tuy lúc này không có ở đây nhưng cũng nên phân chia người trông coi đây gọi là người được sai chúng, nếu quản lý riêng về Phật pháp thì không đúng. Đến hôm sau phải phân công Sa-di và tịnh nhân trông nom.

Luật Tứ Phần cũng chép: nếu Tăng hòa hợp thì cùng cho, nhân đến cho bốn chỉ cho một, trong năm tịnh nhân chỉ cho một, nếu không cho thì chẳng phải là phân công, hoặc phân chia đắc tội, tự mình phước bỏ ngôi vị khác như trong số sao. Như vậy tính tổng số lại ghi tên, ghi số, sau đó phân phát phẩm vật cho họ. trong luật không có pháp bán đồ vật để phân chia, thời nay phân chia mà bán đồ vật là phi pháp trái luật, là bị chê cười, sao mà dày mặt quá vậy? Phật bảo phân phó vì muốn dứt bỏ tư tưởng tham lam, khiến cho mỗi người tự cảnh tỉnh chính mình, nay thì ngược lại chỉ vui cười không vì chung thì, nhóm họp đời thường này thì không thay đổi mong các bậc tri thức xem xét kỹ lỗi lầm này.

Nếu năm người ở chung mà một người qua đời thì y bát chia thẳng cho ba người và thưởng công lao cho một người, còn những đồ vật nặng nhẹ khác thì y cứ theo Mẫu luận, bốn người làm pháp Yết-ma phân chia.

Trong văn, ngoại trừ tăng cho mỗ giáp y phục, tài vật này, mỗ giáp nên trả lại cho tăng v.v... ngoài ra giống như pháp trước. tác pháp rồi chưa được chính tay phân nếu có khách tăng đến nên cho vào nội giới đồng thời phải cùng tác pháp phân chia cho họ vì trong luật phi thời tăng thí cũng vậy, vì khiến cho một người phân chia, nay vì không có người nên phải phân chia, nếu có người không nhớ thì không thành.

Thứ hai là nói rõ pháp đối thứ.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: bốn người cùng ở chung mà một người chết thì ba người phải lần lượt phân chia, hai người nên hòa hợp thưởng y cho người nuôi bệnh, còn những vật khác ba người kia đây cùng nói rằng: hai Đại đức nhớ nghĩ! Những vật này sẽ thuộc về chúng tôi, hai người kia cũng nói như vậy ba lần.

Nếu trong ba người có một người chết thì trước phải lấy y bát giao phó ngay, còn những vật khác hai người nên lần lượt thực hành như pháp trên.

Trong văn Luật Tứ Phần chép: kia đây nói liền ba lần nói cùng phân chia, thọ nhận, văn từ như luận thuyết, ba lần nói là pháp tâm niệm.

Kinh Tỳ-ni mẩu chép: Tương ứng với pháp hai người ở chung, một người chết thì người còn sống nghĩ rằng Tỳ-kheo này đã qua đời, tất cả tài vật của thầy ấy thuộc về tôi, nói như vậy rồi sau đó có người đến cũng không được chia.

Luật Tứ Phần chép: một người được thọ nhận trong tăng thí nên tâm niệm miệng nói đây là phần của tôi được phân chia, trong văn vấn Yết-ma hỏi vật chẳng phải y đó là y gì?

Đáp: Luật không nói về tương.

Vấn nói: Bấy giờ, có người dùng vật chẳng phải y phục làm túi đựng bình bát và túi đựng giày dép. Phật nói: không nên làm như vậy.

Lại nói: cho Tỳ-kheo-ni các vật chẳng phải y cũng không biết là y gì, nay chỉ thông qua mà nói lại việc đó, không ngại kia đây đều thấu nhiếp pháp thập minh tạp phân vật. Nếu ở chùa riêng (tư trang) mà chết hoặc làm sứ giả cho tăng, ở chùa Tư Trang mà chết nếu có người vào nhà và chùa của Tỳ-kheo thì những vật nặng xếp vào bốn tự của người chết, vật nhẹ tùy hiện vật mà phân chia cho tăng, cũng không được phân chia cho ni chúng, cho dù khiến cho vị tăng ở gần đến thấu nhiếp vật nặng cũng không cần cho, vì trái với chánh giới Phật chế, nếu người chết không có chỗ ở mà theo chỗ có của thường trụ, tùy theo chỗ gần mà thấu nhiếp (chùa không có tăng pháp cũng không được lấy).

Nếu chùa không có Tỳ-kheo giữ thì giống như pháp của người tại gia.

Luật Tứ Phần chép: nếu Tỳ-kheo không có chỗ ở nhất định, chết ở nhà người tại gia, nếu đàn-việt kia có tín tâm nên ghi vào sổ những vật này. Trong năm chúng, chúng nào đến trước thì nên cho nếu không có ai đến thì nên cho Tăng-già-lam nào gần nhất, y cứ theo văn này nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đồng đến thì theo chỗ đồng chúng qua đời, mỗi người tự lấy phần, không được cùng nhau phân chia những vật này. Bộ hiện tại cũng không cần thêm pháp, cứ nhiếp thủ thẳng như vậy.

Nếu không ở chung nhàn dự gia pháp, vật nặng quý giá cũng như trên. Lượng về vấn đề đó tùy theo tình cảm xa gần, nếu đến nhà người tại gia biết có vật của người đã chết thì phải cầm lấy, trong ý nghĩ là thuộc về của mình thì mới thành, dù thấy cũng không được, dù cầm vào tay mà người thế tục tự thấu gom về mình. Đây thuộc về người thế tục quyết định, trộm của tăng thành tự cũng không được đoạt lại, nên khuyên dạy họ cúng dường cho tăng để họ không mất đạo nghiệp (tăng được thọ nhận vật cúng dường của người thế tục).

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo ôm y phục của người khác mà đi.

Người chủ y qua đời, liền đem y thọ dụng riêng không cho Tỳ-kheo đồng giới và đàn-việt (theo Luật Tứ Phần thì không thành, có Tỳ-kheo mà không nhớ nghĩ) nếu làm pháp Yết-ma rồi thì lượng cảnh, sợ Tỳ-kheo khách đến. Nên biết trước và sau Yết-ma (nghĩa là thâm nhiếp giới lớn của tăng không biết tăng có hay không) trong luật có Tỳ-kheo không nghĩ nhớ biệt chúng chia y đều không thành.

Hỏi: Nếu đem đồ vật của người chết ra khỏi giới rồi phân chia có thành không?

Đáp: Luật Tứ Phần chép: nếu y phục tài vật khó phân chia thì phải nói nơi nào, lúc nào phân chia, nếu gọi người đến hoặc tự đến thì nên cùng nhau phân chia các bộ có kết là phạm tội không? Đáp: Đắc thành (Luật Tăng-kỳ thọ y như pháp hoặc cùng sống chung, chung ý).

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo gọi y bát cho ni nên đòi lại phần của Tỳ-kheo, ni gọi tài vật cho Tỳ-kheo cũng như vậy (không giống như gia pháp của người tại gia).

Hỏi: Đem tài vật của người chết vào giới, Tỳ-kheo trong giới ấy không biết nên đem ra ngoài giới, người nào thấy trước có được phần không?

Đáp: được nhận, vì đang trong giới không biết lúc phân chia vì đồng pháp.

